

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Trịnh Thị Huyền

Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo

HẢI PHÒNG - 2013

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ
KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY
DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Trịnh Thị Huyền
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Trần Thị Thanh Thảo**

HẢI PHÒNG - 2013

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Trịnh Thị Huyền

Mã SV: 1113401016

Lớp: QTL 501K

Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng số 3 Hải Phòng.

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.
- Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng số 3 Hải Phòng.
- Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng số 3 Hải Phòng.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sử dụng số liệu năm 2012

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty Cổ phần xây dựng số 3 Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Trần Thị Thanh Thảo

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại Học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng số 3 Hải Phòng.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 25 tháng 03 năm 2013

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 29 tháng 06 năm 2013

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2013

Hiệu trưởng

GS.TS. NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

.....

.....

.....

.....

.....

.....

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bảng số:..... Bảng chữ:.....

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2013

Cán bộ hướng dẫn

(Ký và ghi rõ họ tên)

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG I LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP	3
1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.	3
1.1.1. Khái niệm, vai trò của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	3
1.1.1.1. Khái niệm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	3
1.1.1.2. Vai trò của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	6
1.1.2. Yêu cầu, nhiệm vụ của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	6
1.1.3. Sự cần thiết của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.	7
1.1.4. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.	8
1.1.4.1. Bán hàng.....	8
1.1.4.2. Các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.	9
1.1.5. Các phương thức thanh toán.	9
1.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.	10
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.	10
1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.	10
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	16
1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.....	24
1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng.....	24
1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp	27
1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.	30

1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.	30
1.2.4.2. Kế toán chi phí tài chính.	33
1.2.5. Kế toán chi phí, thu nhập khác.....	36
1.2.5.1. Kế toán thu nhập khác.....	36
1.2.5.2. Kế toán chi phí khác.....	39
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	41
CHƯƠNG II THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN	
DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KINH DOANH TẠI CÔNG TY	
CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3	46
2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3.	46
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty.....	46
2.1.1.1. Quá trình hình thành của công ty	46
2.1.1.2. Quá trình phát triển của công ty.....	47
2.1.1.3. Thuận lợi	48
2.1.1.4. Khó khăn	49
2.1.2. Kết quả hoạt động của Công ty 1 năm gần đây đã đạt được	49
2.1.2.1. Về sự biến động của tài sản và nguồn vốn tại Công ty.....	49
2.1.2.2. Sự biến động về doanh thu.....	51
2.1.3. Đặc điểm kinh doanh của công ty.....	51
2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty	52
2.1.5. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần xây dựng số 3	53
2.1.5.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán.....	53
2.1.5.2. Tổ chức công tác kế toán và hình thức ghi sổ kế toán.....	55
2.1.5.2. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán.....	57
2.2. thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.	58
2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần xây dựng số 3.	58
2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.....	67
2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng.....	73

2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.	79
2.2.5. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.	88
2.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.	88
2.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.	88
2.2.5.3. Trình tự hạch toán kế toán.	89
2.2.6. Kế toán hoạt động khác.....	96
2.2.7. Xác định kết quả kinh doanh.....	101
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG	109
3.1. Định hướng phát triển của Công ty Cổ phần xây dựng số 3 Hải Phòng trong thời gian tới.....	109
3.1.1 Kết quả đạt được của Công ty.....	110
3.1.2. Về công tác kế toán Công ty nói chung.	111
3.1.3. Hạn chế và nguyên nhân.	112
3.2. Sự cần thiết của việc hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng số 3 Hải Phòng.....	113
3.3. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng số 3 Hải Phòng.	114
KẾT LUẬN	120
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	121

DANH MỤC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

TT	Kí hiệu	Ý nghĩa
1	TM	Tiền mặt
2	TGNH	Tiền gửi ngân hàng
3	KH – TSCĐ	Khấu hao tài sản cố định
4	TSCĐ	Tài sản cố định
5	PC	Phiếu chi
6	PT	Phiếu thu
7	BC	Báo có
8	BN	Báo nợ
9	BH và CCD	Bán hàng và cung cấp dịch vụ
10	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
11	PKT	Phiếu kế toán
12	TKĐƯ	Tài khoản đối ứng
13	K/C	Kết chuyển
14	KD	Kinh doanh
15	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
16	HĐ	Hóa đơn
17	HĐKD	Hoạt động kinh doanh
18	TK	Tài khoản
19	HĐ GTGT	Hóa đơn giá trị gia tăng
20	NT	Ngày tháng
21	LN	Lợi nhuận
22	HĐ SXKD	Hoạt động sản xuất kinh doanh
23	NKC	Nhật ký chung
24	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
25	XK	Xuất khẩu

LỜI MỞ ĐẦU

Nền kinh tế thị trường đã mở ra nhiều hướng đi cho nhiều doanh nghiệp. Tuy nhiên, những hướng đi đó không hề bằng phẳng, khó khăn và thậm chí đầy chông gai nếu những doanh nghiệp không biết nỗ lực hết sức mình, cải tổ hoạt động sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm. Tất cả những yếu tố đó đều có mục đích chung đó là lợi nhuận. Vì lợi nhuận chính là thước đo chuẩn xác nhất tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh ở mỗi doanh nghiệp.

Do đó để đứng vững và phát triển trong môi trường kinh doanh hiện tại, việc tổ chức hạch toán kế toán của doanh nghiệp là một việc hết sức quan trọng. Trong đó, công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của hạch toán kế toán trong doanh nghiệp.

Xuất phát từ vai trò, nhận thức được tầm quan trọng của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong quá trình thực tập tại Công ty Cổ phần xây dựng số 3, cùng với những kiến thức đã được các thầy, các cô của trường Đại học Dân lập Hải Phòng truyền dạy và sự tận tình chỉ bảo giúp đỡ của ban lãnh đạo, phòng ban trong công ty, em đã mạnh dạn đi sâu vào nghiên cứu và hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài : “ Hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng số 3 Hải Phòng “.

Nội dung bài khóa luận của em gồm 3 phần chính:

Chương I : lý luận chung về tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

Chương II : Thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng số 3 Hải Phòng.

Chương III : Một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng số 3 Hải Phòng.

Em xin chân thành cảm ơn Thạc sĩ Trần Thị Thanh Thảo đã tận tình hướng dẫn giúp em hoàn thành bài khóa luận này. Xin cảm ơn các anh, chị trong phòng kế toán của công ty đã nhiệt tình chỉ bảo, cung cấp số liệu thực tế để em có thể hoàn thiện bài khóa luận và em có nhiều kinh nghiệm thực tế.

Do thời gian có hạn và trình độ của bản thân còn nhiều hạn chế nên bài khóa luận của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp của các thầy cô về bài khóa luận của em được hoàn chỉnh hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm

Sinh viên

Trịnh Thị Huyền

CHƯƠNG I

LÝ LUẬN CHUNG VỀ TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.

1.1.1. Khái niệm, vai trò của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1.1.1.1. Khái niệm doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh



Doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu

Doanh thu : Là tổng giá trị của các lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ : Là toàn bộ số tiền thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

$$\begin{array}{l} \text{Doanh thu thuần về bán} \\ \text{hàng và cung cấp dịch vụ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Doanh thu bán} \\ \text{hàng và cung cấp} \\ \text{dịch vụ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Các khoản giảm} \\ \text{trừ doanh thu} \end{array}$$

Doanh thu tiêu thụ nội bộ : Là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm, cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

Doanh thu hoạt động tài chính : Là các khoản thu nhập liên quan đến hoạt động tài chính bao gồm doanh thu tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Thu nhập khác : Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động tạo ra doanh thu.

Và theo như chuẩn mực kế toán Việt Nam thì doanh thu bao gồm: Tổng giá trị của các lợi ích kinh tế doanh nghiệp đã thu hoặc sẽ thu được trong kỳ hạch toán, phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp góp phần làm tăng nguồn vốn chủ sở hữu. Các khoản thu hộ và các khoản đóng góp vốn của cổ đông hoặc chủ sở hữu không phải là doanh thu.

Các khoản giảm trừ doanh thu:

Chiết khấu thương mại : Là khoản tiền mà người mua hàng được hưởng do mua sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ với số lượng lớn theo thỏa thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc cam kết mua bán hàng.

Giảm giá hàng bán : Là khoản tiền mà bên bán giảm trừ cho bên mua hàng trong trường hợp đặc biệt như : do hàng bị kém phẩm chất, không đúng quy cách

Hàng bán bị trả lại : Là số sản phẩm, hàng hóa mà doanh nghiệp đã ghi nhận doanh thu nhưng bị khách hàng trả lại do người bán vi phạm các điều khoản trong hợp đồng hoặc hàng kém phẩm chất, hàng sai quy cách...

Thuế tiêu thụ đặc biệt : Là loại thuế đánh vào hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt như : rượu, bia, thuốc lá....

Thuế xuất khẩu : Là loại thuế tính trên doanh thu của các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ mua bán, trao đổi với nước ngoài khi xuất khẩu ra khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc bán vào các khu chế xuất.

Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp : Là thuế tính thêm trên giá trị gia tăng thêm của hàng hóa, dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất đến tiêu dùng. Thuế GTGT của doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp phải nộp tương ứng với số doanh thu đã xác định trong kỳ.

Chi phí và các loại chi phí :

Chi phí : Là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các khoản hao phí về lao động sống và lao động vật hóa mà các doanh nghiệp đã bỏ ra để tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định.

Giá vốn hàng bán : Là giá trị thực tế xuất kho của một số sản phẩm, hàng hóa bao gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hóa đã bán ra trong kỳ (đối với doanh nghiệp thương mại) , hoặc là giá thành thực tế sản phẩm, lao vụ, dịch vụ hoàn thành (đối với doanh nghiệp sản xuất, dịch vụ) đã được xác định là tiêu thụ và các khoản khác được tính vào giá vốn để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Chi phí bán hàng : Là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ như : chi phí quảng cáo sản phẩm, chi phí hoa hồng bán hàng...

Chi phí quản lý doanh nghiệp : Là toàn bộ chi phí có liên quan đến hoạt động quản lý kinh doanh, quản lý hành chính và quản lý điều hành chung toàn doanh nghiệp như: chi phí vật liệu văn phòng, thuê môn bài, chi phí dịch vụ mua ngoài...

Chi phí hoạt động tài chính : Là các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn đầu tư tài chính.

Chi phí khác : Là các khoản chi phí phát sinh ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường như : chi phí thanh lý, chi phí nhượng bán TSCĐ...

Xác định kết quả kinh doanh:

Kết quả kinh doanh : Là chỉ tiêu phản ánh toàn bộ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính, hoạt động khác mà doanh nghiệp tiến hành trong kỳ.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh : Là hoạt động sản xuất, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ của các ngành sản xuất kinh doanh chính và phụ.

$$\begin{array}{ccccccc} & & \text{Doanh thu} & & & & \\ & & \text{thuần từ} & & & & \\ & & \text{bán hàng} & & \text{Giá} & & \text{Chi} & & \text{Chi} \\ & & \text{và cung} & & \text{vốn} & & \text{phí} & & \text{phí} \\ \text{Kết quả hoạt} & = & & - & \text{hàng} & - & \text{bán} & - & \text{quản} \\ \text{động sản xuất} & & \text{cấp dịch} & & \text{bán} & & \text{hàng} & & \text{lý} \\ \text{kinh doanh} & & \text{vụ} & & & & & & \text{DN} \end{array}$$

Kết quả hoạt động tài chính : là hoạt động đầu tư về vốn và đầu tư tài chính ngắn hạn, dài hạn với mục đích kiếm lời được xác định bằng chênh lệch giữa doanh thu hoạt động và chi phí tài chính.

Kết quả hoạt động khác : Là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp được xác định bằng chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

1.1.1.2. Vai trò của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Với việc tổ chức tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp sẽ tạo điều kiện để kinh doanh phát triển, từng bước hạn chế sự thất thoát hàng hóa, phát hiện ra những hàng hóa chậm luân chuyển để có biện pháp xử lý đúng đắn nhằm thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn.

Từ số liệu của kế toán doanh thu, chi phí nhà quản lý doanh nghiệp có thể đánh giá mức độ hoàn thành kế hoạch kinh doanh, giá vốn hàng bán và lợi nhuận.

Trong điều kiện hiện nay của nền kinh tế, các doanh nghiệp có nhiều mối quan hệ kinh tế với các đơn vị khác như liên doanh liên kết để thu hút vốn đầu tư, cho vay,... khi đó kế toán không chỉ là công cụ của những nhà quản lý và điều hành sản xuất kinh doanh, mà còn là phương tiện kiểm tra giám sát của những người chủ sở hữu doanh nghiệp, những người có quan hệ kinh tế và lợi ích ở doanh nghiệp như các nhà đầu tư. Thông qua số liệu kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh họ biết được khả năng tài chính của doanh nghiệp, năng lực kinh doanh của doanh nghiệp trên thương trường từ đó ra các quyết định đầu tư, cho vay hoặc liên kết làm ăn với doanh nghiệp.

1.1.2. Yêu cầu, nhiệm vụ của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Để phát huy tốt vai trò thực sự của kế toán là công cụ quản lý kinh tế của doanh nghiệp thì kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cần thực hiện tốt một số nhiệm vụ sau :

- Khoa học hợp lý và đúng đắn.
- Lựa chọn phương pháp xác định đúng giá vốn hàng bán để đảm bảo độ chính xác của chi tiêu lãi gộp hàng hóa.
- Nắm bắt và theo dõi chặt chẽ từng thể thức thanh toán, từng khách hàng, từng loại hàng hóa bán ra, đơn đốc thanh toán và thu hồi đầy đủ kịp thời và nhanh chóng tiền vốn của doanh nghiệp, tăng nhanh vòng quay vốn.
- Tính toán, xác định đúng đắn kết quả từng loại hoạt động và thực hiện nghiêm túc cơ chế phân phối lợi nhuận
- Lập và báo cáo kết quả kinh doanh đúng chế độ, kịp thời cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho các bên liên quan.

Kế toán doanh thu, tiêu thu và xác định kết quả kinh doanh có vai trò quan trọng nên cần xác định rõ nhiệm vụ của mình cụ thể như sau:

- Ghi chép, phản ánh kịp thời, đầy đủ, chính xác tình hình bán hàng của doanh nghiệp
- Tính toán, phản ánh chính xác tổng giá thanh toán của hàng bán ra bao gồm cả doanh thu bán hàng, thuế GTGT đầu ra của từng nhóm mặt hàng, từng hóa đơn, từng khách hàng, từng đơn vị trực thuộc...
- Tập hợp đầy đủ chính xác kịp thời các khoản chi phí bán hàng thực tế phát sinh và kết chuyển (hay phân bổ) chi phí bán hàng cho hàng tiêu thụ làm căn cứ để xác định kết quả kinh doanh.
- Cung cấp thông tin cần thiết về tình hình bán hàng, phục vụ cho việc chỉ đạo, điều hành hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

1.1.3. Sự cần thiết của việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong công cuộc đổi mới của nền kinh tế nước ta hiện nay, cơ chế thị trường đầy năng động và cạnh tranh đã đặt ra nhiều chiến lược sản xuất kinh

doanh của các doanh nghiệp. Hầu hết của hoạt động kinh doanh không chỉ là mối quan tâm của bất kỳ xã hội nào mà còn là mối quan tâm của bất kỳ doanh nghiệp nào. Trong những năm gần đây, nhiều Công ty, nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh đã có sự điều chỉnh nhất định về đường lối, phương thức quản lý kinh doanh nhằm đáp ứng yêu cầu mới của thời đại, đồng thời để duy trì và đẩy mạnh sự phát triển của doanh nghiệp trong làm ăn kinh tế. Sự điều chỉnh ấy phải dựa trên sự nỗ lực vận động của bản thân doanh nghiệp cùng với tiền đề điều kiện khách quan.

Việc tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tốt giúp cho doanh nghiệp xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí đảm bảo cho doanh nghiệp thu hồi vốn nhanh, mở rộng sản xuất kinh doanh. Các thông tin, tài liệu và số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là căn cứ quan trọng đối với doanh nghiệp, nhà nước, các tổ chức tài chính trung gian và cả các nhà cung cấp.

1.1.4. Bán hàng và các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.

1.1.4.1. Bán hàng.

Bán hàng : Là quá trình bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

Cung cấp dịch vụ : Là thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng theo một kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán.

Có thể nhận thấy rằng sản phẩm, hàng hóa nhằm để phục vụ nhu cầu tiêu dùng cho cả khách hàng và nội bộ doanh nghiệp và quá trình bán hàng thực chất là quá trình trao đổi quyền sở hữu giữa người bán và người mua trên thị trường. Khi doanh nghiệp thực hiện tốt công việc bán hàng sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hồi vốn, các khoản chi phí đã bỏ ra và thực hiện nghĩa vụ với NSNN.

1.1.4.2. Các phương thức bán hàng trong doanh nghiệp.

Phương thức giao hàng trực tiếp : Là phương thức bên mua cử đại diện đến doanh nghiệp để nhận hàng, doanh nghiệp trực tiếp giao hàng cho bên mua. Sau khi bên mua đã nhận đủ hàng, thanh toán đầy đủ tiền hàng hoặc chấp nhận nợ thì chính thức hàng bán được coi là tiêu thụ.

Phương thức chuyển hàng chờ nhận : Là bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng, hàng hóa chuyển bán vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Hàng hóa được xác định là tiêu thụ và bên bán mất quyền sở hữu khi người mua chấp nhận thanh toán một phần hay toàn bộ số hàng chuyển giao. Chi phí vận chuyển tính theo sự thỏa thuận ghi trên hợp đồng của hai bên.

Phương thức bán hàng trực tiếp : là hình thức nhân viên bán hàng vừa là người bán và người thu tiền giao hàng cho khách hàng.

Phương thức bán hàng trả góp, trả chậm : Là phương thức doanh nghiệp bán hàng thu tiền nhiều lần (người mua được trả tiền mua hàng nhiều lần) . Người mua sẽ thanh toán lần đầu tại thời điểm mua, sau đó số tiền còn lại sẽ trả chậm sau làm nhiều lần theo như thỏa thuận trong hợp đồng và chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định.

Phương thức bán hàng nội bộ : Là hình thức hàng hóa được tiêu thụ trong doanh nghiệp của mình (mua bán sản phẩm, hàng hóa giữa đơn vị cấp trên với đơn vị cấp dưới với nhau).

1.1.5. Các phương thức thanh toán.

- **Phương thức thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt** : Người mua hàng thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt cho người bán sau khi đã nhận đầy đủ hàng hóa. Hình thức thanh toán này thường được sử dụng đối với các mặt hàng bán với số lượng ít, bán lẻ....

- **Phương thức thanh toán qua ngân hàng** : Hiện nay phương thức thanh toán qua ngân hàng đối với doanh nghiệp và khách hàng ngày càng phổ

biến và đa dạng. Khách hàng có thể thanh toán bằng séc, ủy nhiệm chi, ủy nhiệm thu,....

1.2. Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

1.2.1.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như : bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có)

Doanh thu bán hàng chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau :

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc hạch toán doanh thu bán hàng

1. Với sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

2. Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

3. Sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế TTĐB, hoặc thuế xuất khẩu).

4. Những DN nhận gia công vật tư, hàng hóa thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hóa nhận gia công.

5. Với hàng hóa nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà DN được hưởng.

6. Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì DN ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu chýa thực hiện về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

7. Doanh thu của hợp đồng xây dựng bao gồm :

- Doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng
- Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác nếu các khoản này có khả năng làm thay đổi doanh thu, và xác định được một cách đáng tin cậy.

8. Những sản phẩm, hàng hóa được xác định là đã bán nhưng vì lý do về chất lượng, về qui cách kỹ thuật,... người mua từ chối thanh toán, gửi trả lại người bán hoặc yêu cầu giảm giá và được DN chấp thuận; hoặc người mua mua hàng với khối lượng lớn được chiết khấu thương mại thì các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng này được theo dõi riêng biệt.

9. Trường hợp trong kỳ DN đã viết hóa đơn bán hàng và đã thu tiền bán hàng nhưng đến cuối kỳ vẫn chưa giao hàng cho người mua hàng, thì trị giá số hàng này không được coi là đã bán trong kỳ và không được hạch toán vào tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ mà chỉ hạch toán vào bên Có tài khoản Phải thu khách hàng về khoản tiền đã thu của khách hàng.

 **Chứng từ kế toán sử dụng:**

- Hóa đơn GTGT (mẫu 01 – GTKT)
- Hóa đơn bán hàng (mẫu 02 – GTTT)
- Phiếu thu, phiếu chi, giấy báo Có của ngân hàng, ủy nhiệm chi, séc chuyển khoản,...

- Phiếu xuất kho, phiếu nhập kho
- Hợp đồng mua bán, biên bản giao nhận hàng hóa
- Các chứng từ có liên quan ...

 Sổ sách kế toán sử dụng:

- Bảng kê hóa đơn chứng từ hàng hóa, dịch vụ bán ra
- Bảng thanh toán hàng đại lý, ký gửi (mẫu 01 – BH)
- Sổ cái TK 511, TK 512, TK 131, TK 111...

 Tài khoản sử dụng :

❖ **Tài khoản 511 – Bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Không có số dư cuối đầu kỳ, cuối kỳ và có 5 tài khoản cấp 2:

TK 5111 : Doanh thu bán hàng hóa

TK 5112 : Doanh thu bán các thành phẩm

TK 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ

TK 5114 : Doanh thu trợ cấp, trợ giá

TK 5117 : Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

Kết cấu TK 511

➤ **Bên Nợ:**

- Số thuế TTĐB, hoặc thuế XK phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.

- Số thuế GTGT phải nộp của DN nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Doanh thu hàng bán bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.

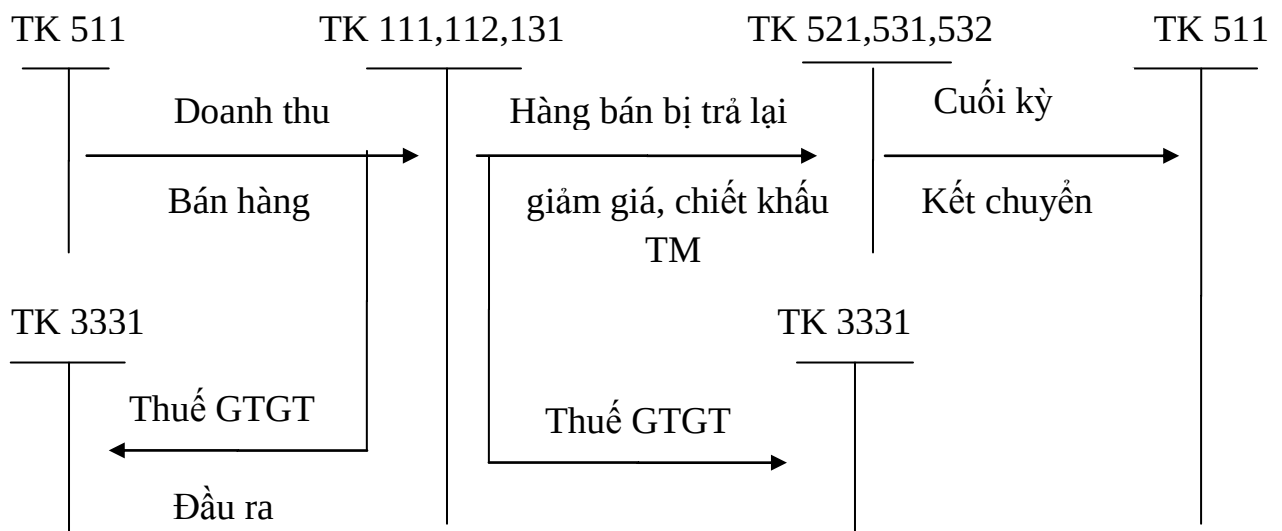
- Kết chuyển doanh thu thuần vào TK911 “ Xác định kết quả kinh doanh “

➤ **Bên Có :**

- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của DN thực hiện trong kỳ kế toán.

✚ **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.1: Hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



❖ **Tài khoản 512 – Doanh thu bán hàng nội bộ**

Là số tiền thu được do bán hàng hóa, sản phẩm cung cấp dịch vụ tiêu thụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc trong cùng một công ty hay tổng công ty.

TK 512 không có số dư đầu kỳ, cuối kỳ và có 3 tài khoản cấp 2:

TK5121 – Doanh thu bán hàng hóa

TK5122 – Doanh thu bán các thành phẩm

TK5123 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

Kết cấu của TK512

➤ **Bên Nợ**

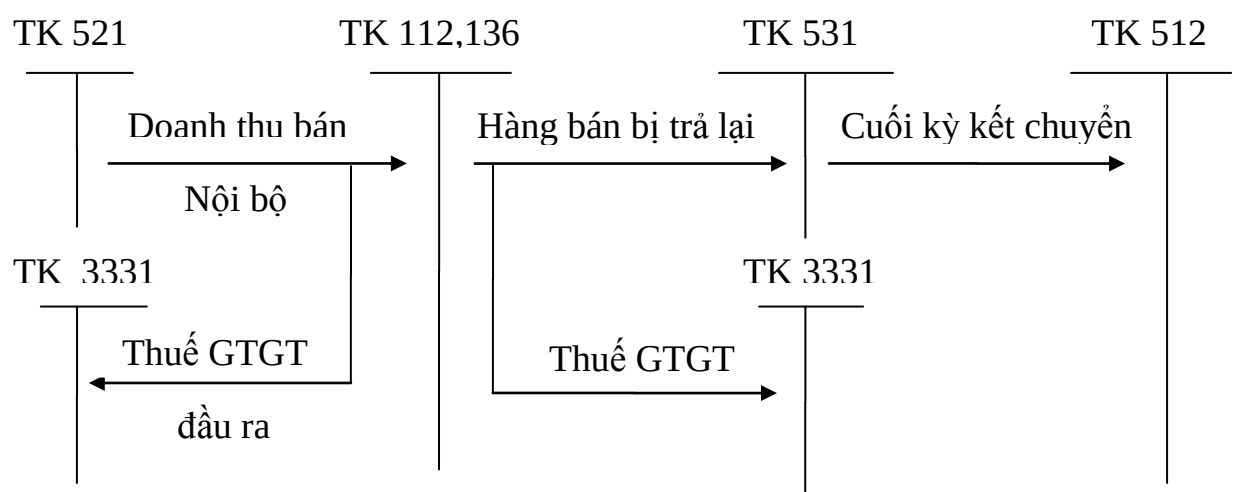
- Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ kế toán.
- Số thuế TTĐB phải nộp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ.
- Số thuế GTGT phải nộp theo phương pháp trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần sang TK 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.

➤ **Bên Có**

- Tổng số doanh thu bán hàng nội bộ của đơn vị thực hiện trong kỳ kế toán.

✚ **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.2: Hạch toán doanh thu bán hàng nội bộ



1.2.1.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

✚ **Chứng từ sử dụng**

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi, giấy báo Nợ, ủy nhiệm chi....
- Các chứng từ khác có liên quan...

✚ **Tài khoản sử dụng**

❖ **Tài khoản 521 – Chiết khấu thương mại**

Là khoản chiết khấu mà DN bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

TK 521 không có số dư đầu kỳ, cuối kỳ và có 3 TK cấp 2

TK 5211 – Chiết khấu hàng hóa

TK5212 – Chiết khấu thành phẩm

TK5213 – Chiết khấu dịch vụ

➤ **Bên Nợ**

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng.

➤ **Bên Có**

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ số chiết khấu thương mại sang TK521 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ “ để xác định doanh thu thuần của kỳ báo cáo.

❖ **Tài khoản 531 – Hàng bán bị trả lại**

Là số sản phẩm, hàng hóa mà DN đã xác định tiêu thụ, nhưng bị khách hàng trả lại do vi phạm các điều kiện đã cam kết trong hợp đồng kinh tế như : hàng kém phẩm chất, sai quy cách, chủng loại.

TK 531 không có số dư đầu kỳ, cuối kỳ.

➤ **Bên Nợ**

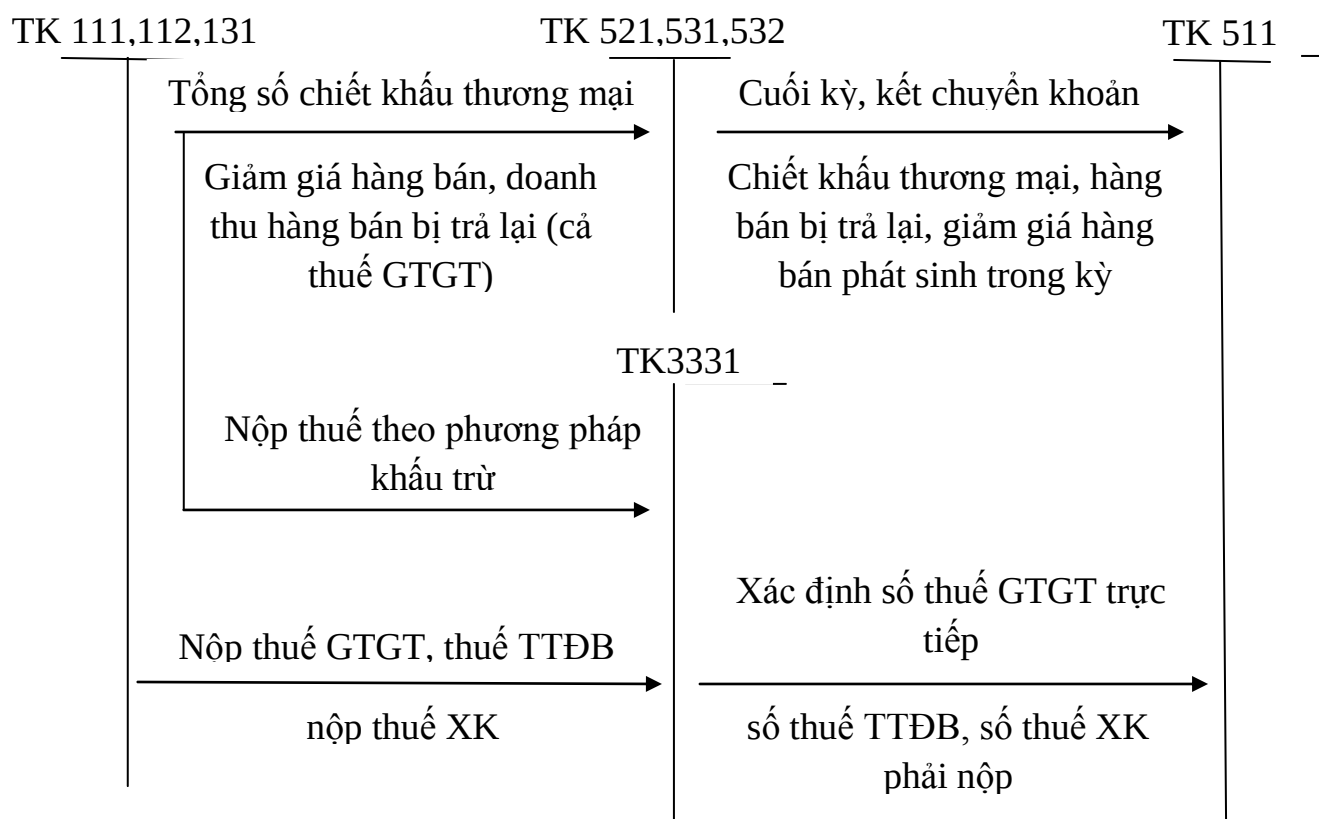
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm, hàng hóa đã bán.

➤ **Bên Có**

- Kết chuyển doanh thu của hàng bán bị trả lại vào bên Nợ TK 531 “ Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ “, hoặc TK512 “ Doanh thu nội bộ “ để xác định doanh thu thuần trong kỳ báo cáo.

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.3: Hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu



1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

Giá vốn hàng bán là trị giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, lao vụ, dịch vụ xuất bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán có thể là giá thành công xưởng thực tế của sản phẩm xuất bán hay giá thành thực tế của lao vụ, dịch vụ cung cấp hoặc trị giá mua thực tế của hàng hóa tiêu thụ.

Theo chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 02 (VAS 02), việc tính giá trị hàng tồn kho được áp dụng theo một trong các phương pháp sau:

➤ Phương pháp tính theo giá đích danh:

Phương pháp này là phương pháp quản lý thành phẩm theo lô, khi xuất lô nào thì tính theo giá thực tế nhập kho đích danh của lô đó.

- Ưu điểm: việc tính giá thành phẩm xuất kho được thực hiện kịp thời và thông qua việc tính giá thành phẩm xuất kho, kế toán có thể theo dõi được thời hạn bảo quản của từng lô hàng.

- Nhược điểm: DN phải tốn nhiều chi phí do phải quản lý riêng từng lô hàng từ khi nhập kho đến khi xuất kho lô hàng đó.

- Điều kiện áp dụng: Phương pháp tính theo giá đích danh được áp dụng đối với DN có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được.

➤ **Phương pháp bình quân gia quyền:**

Theo phương pháp bình quân gia quyền, giá trị của từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc được sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình của DN. Kế toán xác định giá bình quân của một đơn vị thành phẩm xuất bán như sau:

$$\begin{array}{ccccc} \text{Giá thực tế TP} & & & & \text{Giá đơn vị bình} \\ \text{xuất bán} & = & \text{Số lượng TP xuất} & \times & \text{quân} \\ & & \text{bán} & & \end{array}$$

Trong đó, giá đơn vị bình quân có thể được tính theo một trong ba phương pháp sau:

- **Phương pháp giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ**

$$\begin{array}{ccccc} & & \text{Giá thực tế TP tồn} & + & \text{Giá thực tế TP nhập} \\ & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} \\ \text{Giá ĐVBQ cả kỳ} & = & \frac{\quad}{\quad} & & \\ \text{dự trữ} & & \text{Số lượng TP tồn} & + & \text{Số lượng TP nhập} \\ & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} \end{array}$$

+ Ưu điểm: đơn giản, dễ làm, tốn ít công sức

+ Nhược điểm: Độ chính xác của phương pháp này không cao, công việc tính toán dồn vào cuối tháng, gây ảnh hưởng đến công tác quyết toán chung.

+ Điều kiện áp dụng: thích hợp đối với DN có ít chủng loại thành phẩm và số lượng nhập xuất không nhiều.

- **Phương pháp giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập**

$$\text{Giá ĐVBQ sau mỗi lần nhập} = \frac{\text{Giá thực tế TP tồn kho sau mỗi lần nhập}}{\text{Số lượng TP thực tế tồn kho sau mỗi lần}}$$

+ Ưu điểm: phản ánh chính xác, kịp thời tình hình biến động giá cả của thành phẩm và khắc phục được nhược điểm của hai phương pháp trên.

+ Nhược điểm: tính toán nhiều, tốn công sức

+ Điều kiện áp dụng: thích hợp với những DN có ít loại thành phẩm và số lần nhập xuất thành phẩm không nhiều.

➤ **Phương pháp nhập trước, xuất trước**

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua trước hoặc sản xuất trước thì được xuất trước, và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

- Ưu điểm: cho phép kế toán tính giá thành phẩm xuất kho được kịp thời.

- Nhược điểm: phải tính giá theo từng danh điểm thành phẩm và phải hạch toán chi tiết thành phẩm tồn kho theo từng loại giá nên tốn nhiều công sức, độ chính xác không cao dẫn đến giá trị của thành phẩm tồn kho cuối kỳ phản ánh không đúng thực tế.

- Điều kiện áp dụng: DN có ít danh điểm thành phẩm, số lần nhập kho của mỗi danh điểm không nhiều.

➤ **Phương pháp nhập sau, xuất trước**

Phương pháp này được áp dụng dựa trên giả định là hàng tồn kho được mua sắm hoặc sản xuất sau thì được xuất trước và hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước đó. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau

cùng giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

- Ưu điểm: giá thành được phản ánh kịp thời, có tính đến sự biến động của giá cả thị trường.
- Nhược điểm: giá trị hàng tồn kho không phản ánh chính xác giá trị thực tế của nó.
- Điều kiện áp dụng: thích hợp trong trường hợp lạm pháp.

Ngoài bốn phương pháp trên, kế toán còn sử dụng phương pháp giá hạch toán. Giá hạch toán có thể là giá thành kế hoạch hoặc một loại giá ổn định trong kỳ. Sau đó cuối kỳ kế toán sẽ tiến hành điều chỉnh từ giá hạch toán sang giá thực tế.

Chứng từ sử dụng

- Phiếu nhập kho (Mẫu 01 – VT)
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho kiêm vận chuyển nội bộ (Mẫu 03 – VT)
- Các chứng từ khác có liên quan...

Tài khoản sử dụng: TK 632 – Giá vốn hàng bán

Trường hợp DN kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

➤ **Bên Nợ:**

- **Đối với hoạt động sản xuất, kinh doanh, phản ánh:**
 - + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ;
 - + Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tín vào giá vốn hàng bán trong kỳ;
 - + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra;

+ Chi phí xây dựng, tự chế TSCĐ vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá TSCĐ hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành;

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết)

- **Đối với hoạt động kinh doanh BĐS đầu tư, phản ánh:**

+ Số khấu hao BĐS đầu tư trích trong kỳ;

+ Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐS đầu tư không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐS đầu tư;

+ Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê BĐS đầu tư trong kỳ;

+ Giá trị còn lại của BĐS đầu tư bán, thanh lý trong kỳ;

+ Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ.

➤ **Bên Có:**

+ Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh “;

+ Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐS đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh;

+ Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);

+ Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho.

Trường hợp DN kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

- **Đối với DN kinh doanh thương mại:**

➤ **Bên Nợ:**

+ Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ;

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

➤ **Bên Có:**

+Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ;

+Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước);

+Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh “.

- Đối với DN sản xuất và kinh doanh dịch vụ:

➤ **Bên Nợ:**

+ Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ;

+ Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết);

+ Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

➤ **Bên Có:**

+ Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ TK 155 “Thành phẩm “;

+ Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết);

+ Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ TK911 “Xác định kết quả kinh doanh “.

Tài khoản 632 không có số dư đầu kỳ, cuối kỳ.

❖ **Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên:**

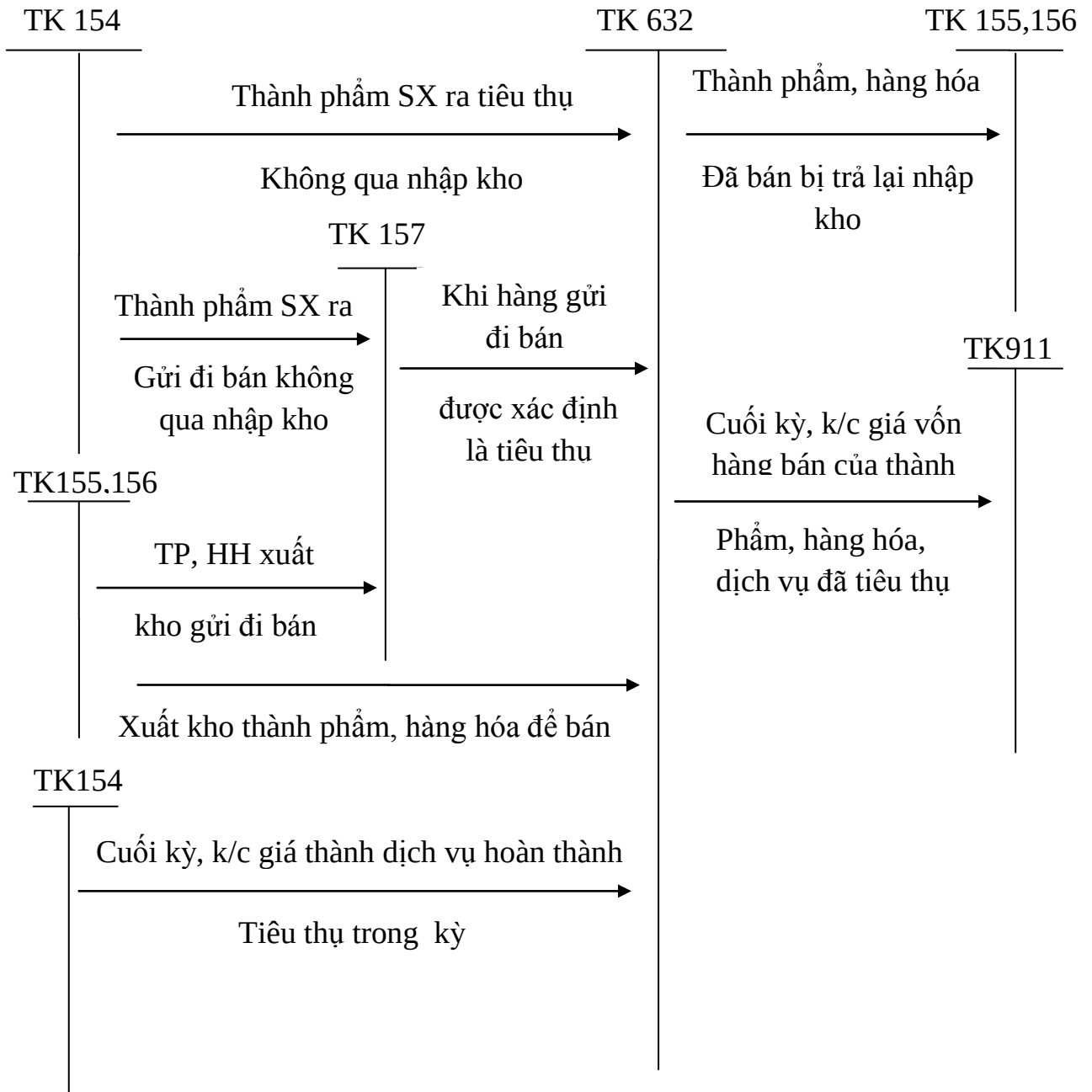
- Theo dõi thường xuyên, liên tục, có hệ thống;

- Phản ánh tình hình nhập, xuất, tồn của hàng tồn kho;

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} & & \text{Trị giá hàng} \\ \text{tồn kho cuối} & = & \text{tồn kho đầu} & + & \text{nhập kho} & - & \text{xuất kho} \\ \text{kỳ} & & \text{kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{trong kỳ} \end{array}$$

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.4: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

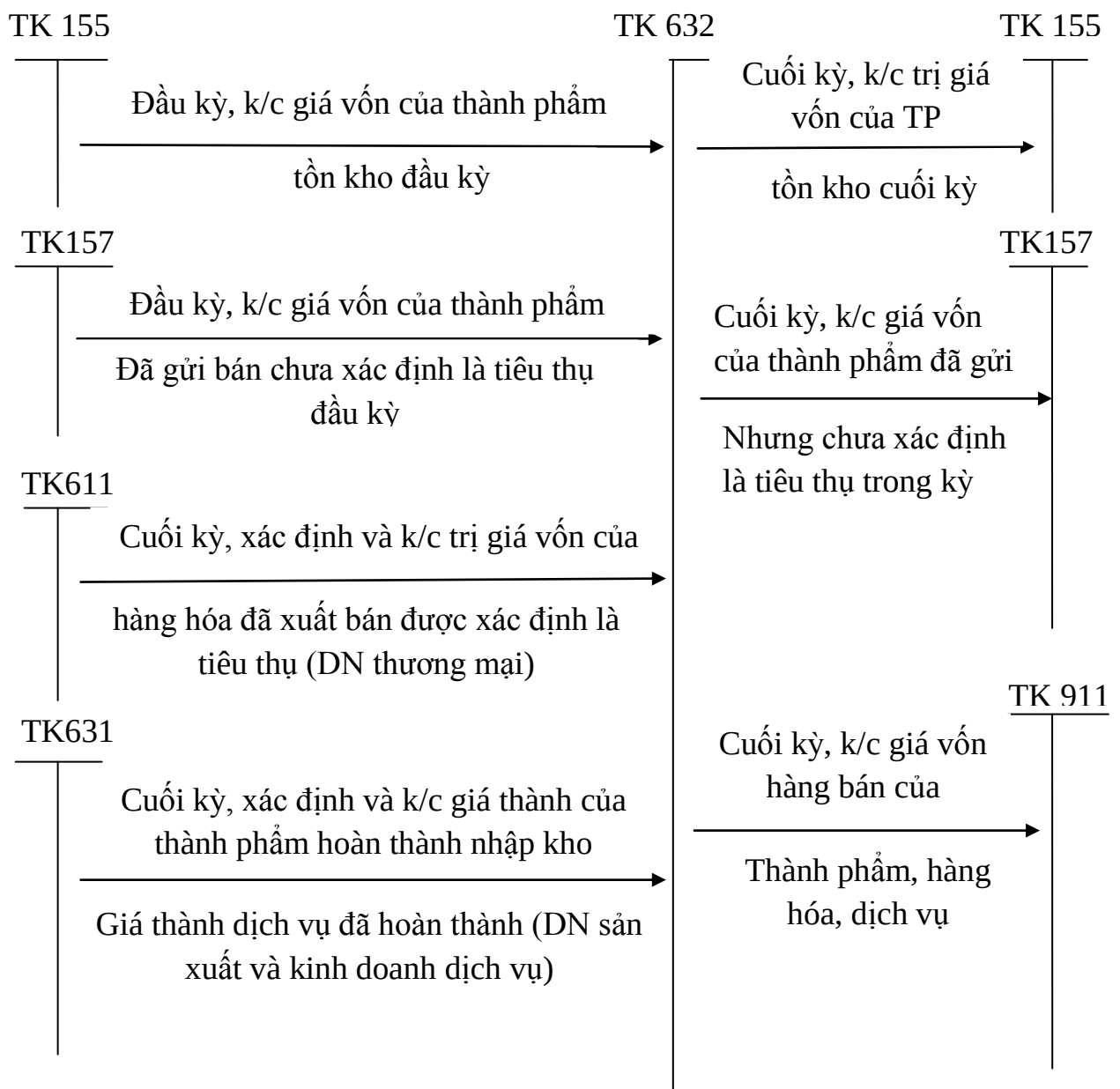


❖ **Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ:**

Kế toán không tổ chức ghi chép thường xuyên, liên tục các nghiệp vụ nhập kho, xuất kho, và tồn kho của thành phẩm hàng hóa trên các tài khoản hàng tồn kho TK 152,155,... Các TK này chỉ phản ánh trị giá vốn của hàng hóa đầu kỳ và cuối kỳ.

🚦 **Phương pháp hạch toán**

Sơ đồ 1.5: Hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.2.3. Kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.3.1. Kế toán chi phí bán hàng.

Tài khoản này dùng để phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ bao gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, hàng hóa (Trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển,...

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 – GTKT – 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu 02 – TT)
- Giấy báo Nợ
- Bảng tính và phân bổ KH – TSCĐ
- Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương
- Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản kế toán sử dụng: TK 641

➤ Bên Nợ:

- Các chi phí phát sinh liên quan đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ.

➤ Bên Có:

- Kết chuyển chi phí bán hàng vào TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh “ để tính kết quả kinh doanh cuối kỳ.

Tài khoản 641 không có số dư đầu kỳ, cuối kỳ và có 7 tài khoản cấp 2:

- TK 6411 – Chi phí nhân viên: phản ánh các khoản phải trả cho nhân viên bán hàng, nhân viên đóng gói, vận chuyển, bảo quản sản phẩm, hàng hóa,... bao gồm tiền lương, tiền ăn giữa ca, tiền công và các khoản trích BHXH, BHYT, kinh phí công đoàn,...

- TK 6412 – Chi phí vật liệu, bao bì: phản ánh các chi phí vật liệu, bao bì xuất dùng cho việc giữ gìn, tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ như chi phí vật liệu đóng gói sản phẩm dùng cho bảo quản, bốc vác, vận chuyển

sản phẩm, hàng hóa trong quá trình tiêu thụ, vật liệu dùng để sửa chữa, bảo quản TSCĐ,... dùng cho bộ phận bán hàng.

- TK6413 – Chi phí dụng cụ, đồ dùng: phản ánh chi phí về công cụ, dụng cụ phục vụ cho quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa như dụng cụ đo lường, phương tiện tính toán, phương tiện làm việc,...

- TK 6414 – Chi phí khấu hao TSCĐ: phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ ở bộ phận bảo quản, bán hàng, như nhà kho, cửa hàng, bến bãi, phương tiện bốc dỡ, vận chuyển, phương tiện tính toán, đo lường, kiểm nghiệm chất lượng,...

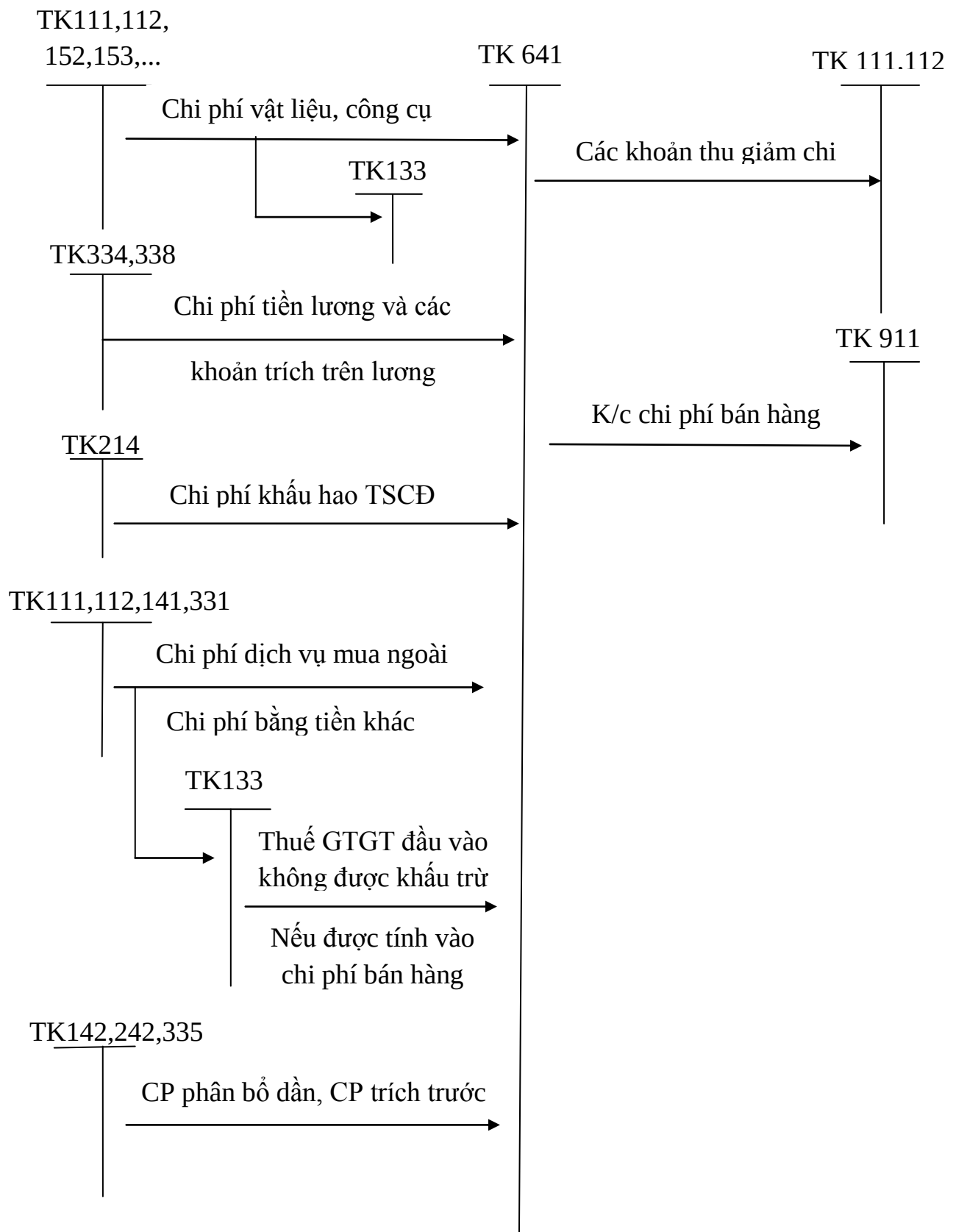
- TK 6415 – Chi phí bảo hành: phản ánh khoản chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa. Riêng chi phí sửa chữa và bảo hành công trình xây lắp phản ánh vào TK 627 “ Chi phí sản xuất chung “ mà không phản ánh ở tài khoản này.

- TK 6417 – Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho bán hàng như chi phí thuê kho, bãi, tiền thuê bốc vác, vận chuyển sản phẩm, hàng hóa đi bán, tiền trả hoa hồng cho đại lý bán hàng, cho đơn vị nhận ủy thác xuất khẩu,...

- TK6418 – Chi phí khác bằng tiền: phản ánh các chi phí bằng tiền khác phát sinh trong khâu bán hàng ngoài các chi phí đã nêu trên như chi phí tiếp khách ở bộ phận bán hàng, chi phí giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, quảng cáo, chào hàng, chi phí hội nghị khách hàng,...

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.6: Hạch toán chi phí bán hàng



1.2.3.2. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là chi phí biểu hiện bằng tiền của các hao phí lao động sống và lao động vật hóa mà doanh nghiệp bỏ ra thực hiện công tác quản lý bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (Tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp,...), bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài (Điện, nước, điện thoại, fax, bảo hiểm tài sản, cháy nổ...), chi phí bằng tiền khác (Tiếp khách, hội nghị khách hàng,...)

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01 GTKT – 3LL)
- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Bảng tính và phân bổ KH – TSCĐ
- Bảng phân bổ lương và các khoản trích theo lương
- Các chứng từ khác có liên quan...

Tài khoản sử dụng: TK 642

➤ **Bên Nợ:**

- Các chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ;
- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

➤ **Bên Có:**

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

- Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh “.

TK 642 không có số dư đầu kỳ, cuối kỳ và có 8 tài khoản cấp 2:

- TK6421 – Chi phí nhân viên quản lý: phản ánh các khoản phải trả cho cán bộ quản lý doanh nghiệp, như tiền lương, các khoản phụ cấp, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn của Ban giám đốc, nhân viên quản lý các phòng, ban của doanh nghiệp.

- TK 6422 – Chi phí vật liệu quản lý: phản ánh chi phí vật liệu xuất dùng cho công tác quản lý doanh nghiệp như văn phòng phẩm,... vật liệu sử dụng cho việc sửa chữa TSCĐ, công cụ, dụng cụ,... (Giá có thuế, hoặc chưa có thuế GTGT).

- TK 6423 – Chi phí đồ dùng văn phòng: phản ánh chi phí dụng cụ, đồ dùng văn phòng dùng cho công tác quản lý (Giá có thuế, hoặc chưa có thuế GTGT).

- TK 6424 – Chi phí khấu hao TSCĐ: phản ánh chi phí khấu hao TSCĐ dùng chung cho doanh nghiệp như: nhà cửa làm việc của các phòng ban, kho tàng, vật kiến trúc, phương tiện vận tải truyền dẫn, máy móc thiết bị quản lý dùng trên văn phòng,...

- TK 6425 – Thuế, phí và lệ phí: phản ánh chi phí về thuế, phí và lệ phí như: thuế môn bài, tiền thuê đất,... và các khoản phí, lệ phí khác.

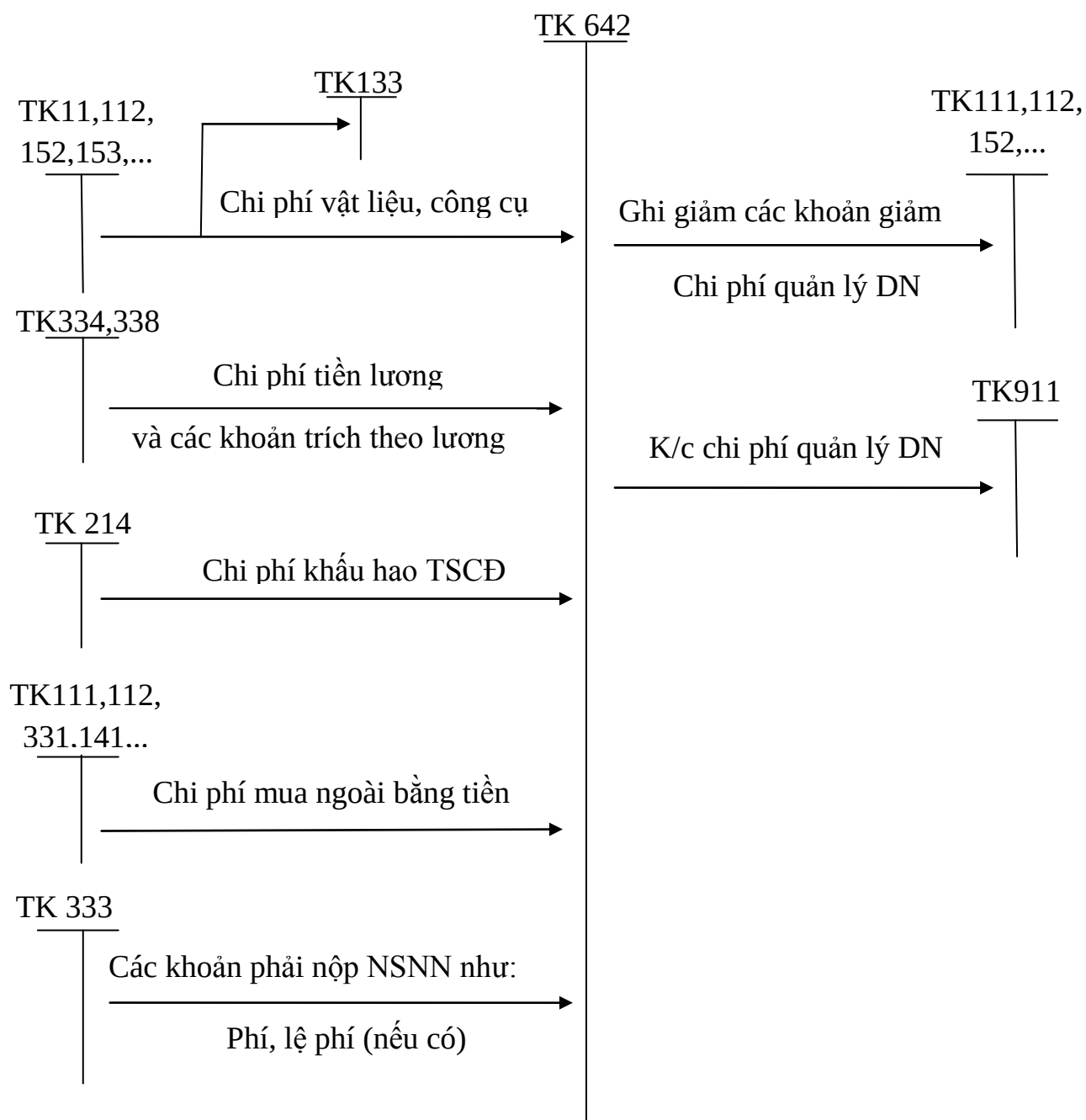
- TK6426 – Chi phí dự phòng: phản ánh các khoản dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

- TK 6427 – Chi phí dịch vụ mua ngoài: phản ánh các chi phí dịch vụ mua ngoài phục vụ cho công tác quản lý doanh nghiệp; các khoản chi mua và sử dụng các tài liệu kỹ thuật, bằng sáng chế,...(Không đủ tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ) được tính theo phương pháp phân bổ dần vào chi phí quản lý doanh nghiệp; tiền thuê TSCĐ, chi phí trả cho nhà thầu phụ.

- TK 6428 – Chi phí bằng tiền khác: phản ánh các chi phí khác thuộc quản lý chung của doanh nghiệp, ngoài các chi phí đã kể trên như: chi phí hội nghị, tiếp khách, công tác phí, tàu xe, khoản chi cho lao động nữ,...

Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.7: Hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.4. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.

1.2.4.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Là những khoản doanh thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn đưa lại. Bao gồm các khoản thu sau:

- Tiền lãi: lãi cho vay, lãi tiền gửi, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi đầu tư trái phiếu...
- Thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản (bằng sáng chế, nhãn mác thương mại...)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia...
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua bán chứng khoán.
- Thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Chênh lệch lãi do bán ngoại tệ.
- Chênh lệch lãi chuyển nhượng, vốn.

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT)
- Giấy báo Có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan...

Tài khoản sử dụng: TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính.

➤ Bên Nợ:

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);
- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh “.

➤ Bên Có:

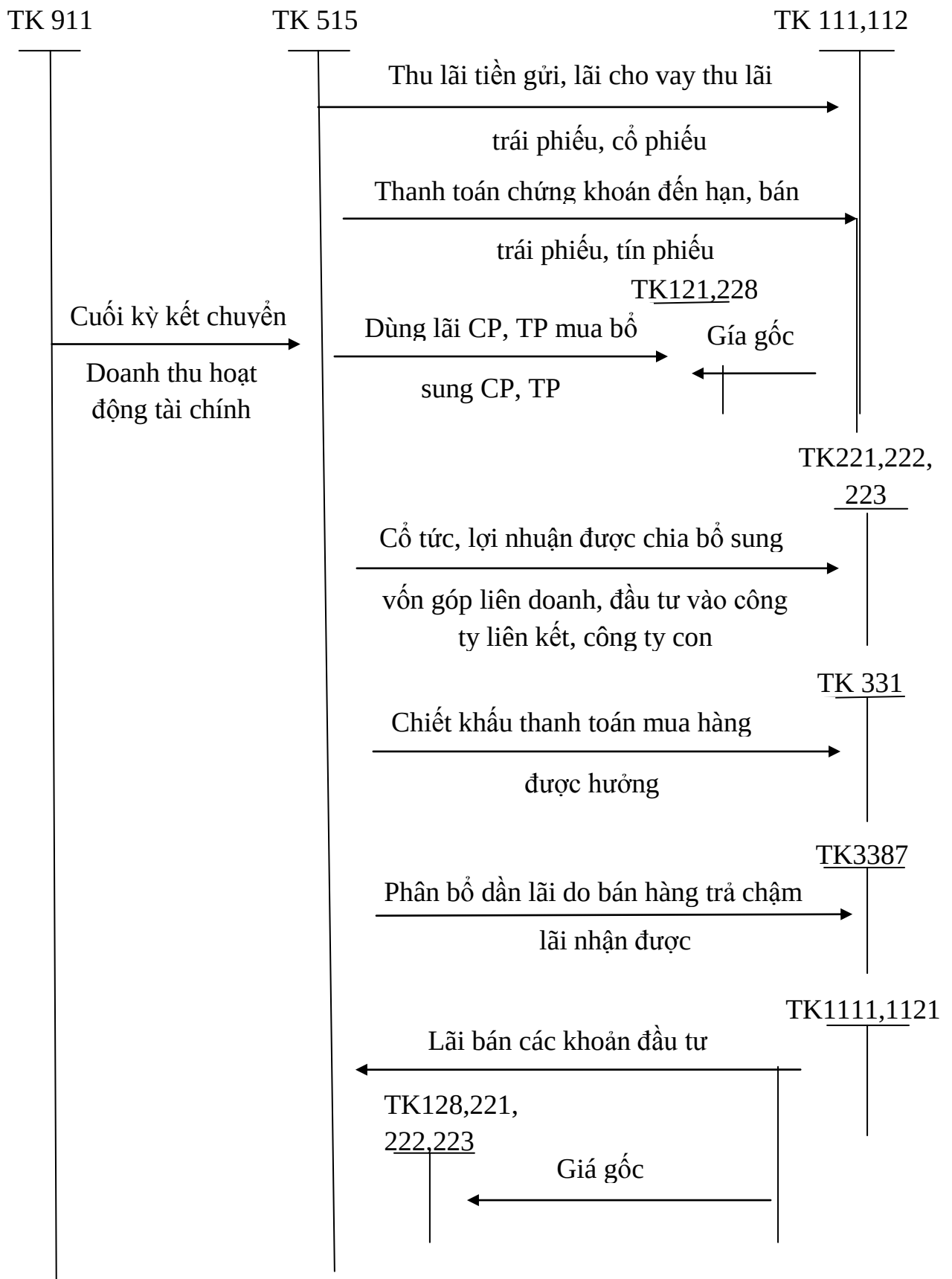
- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết;
- Chiết khấu thanh toán được hưởng;
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh;

- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh khi bán ngoại tệ;
- Lãi tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh;
- Kết chuyển hoặc phân bổ lãi tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào doanh thu hoạt động tài chính;
- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư đầu kỳ, cuối kỳ.

 **Phương pháp hạch toán:**

Sơ đồ 1.8: Hạch toán doanh thu hoạt động tài chính



1.2.4.2. Kế toán chi phí tài chính.

Chi phí tài chính là những khoản chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí lãi vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán,...; dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu chi (Mẫu 02 – TT)
- Giấy báo Nợ của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan...

Tài khoản sử dụng: TK 635 – Chi phí tài chính

➤ Bên Nợ:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính;
- Lỗ bán ngoại tệ;
- Chiết khấu thanh toán cho người mua;
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư;
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện);
- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (Lỗ tỷ giá hối đoái chưa thực hiện);
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã trích lập dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Kết chuyển hoặc phân bổ chênh lệch tỷ giá hối đoái của hoạt động đầu tư XDCB (Lỗ tỷ giá – giai đoạn trước hoạt động) đã hoàn thành đầu tư vào chi phí tài chính;

- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

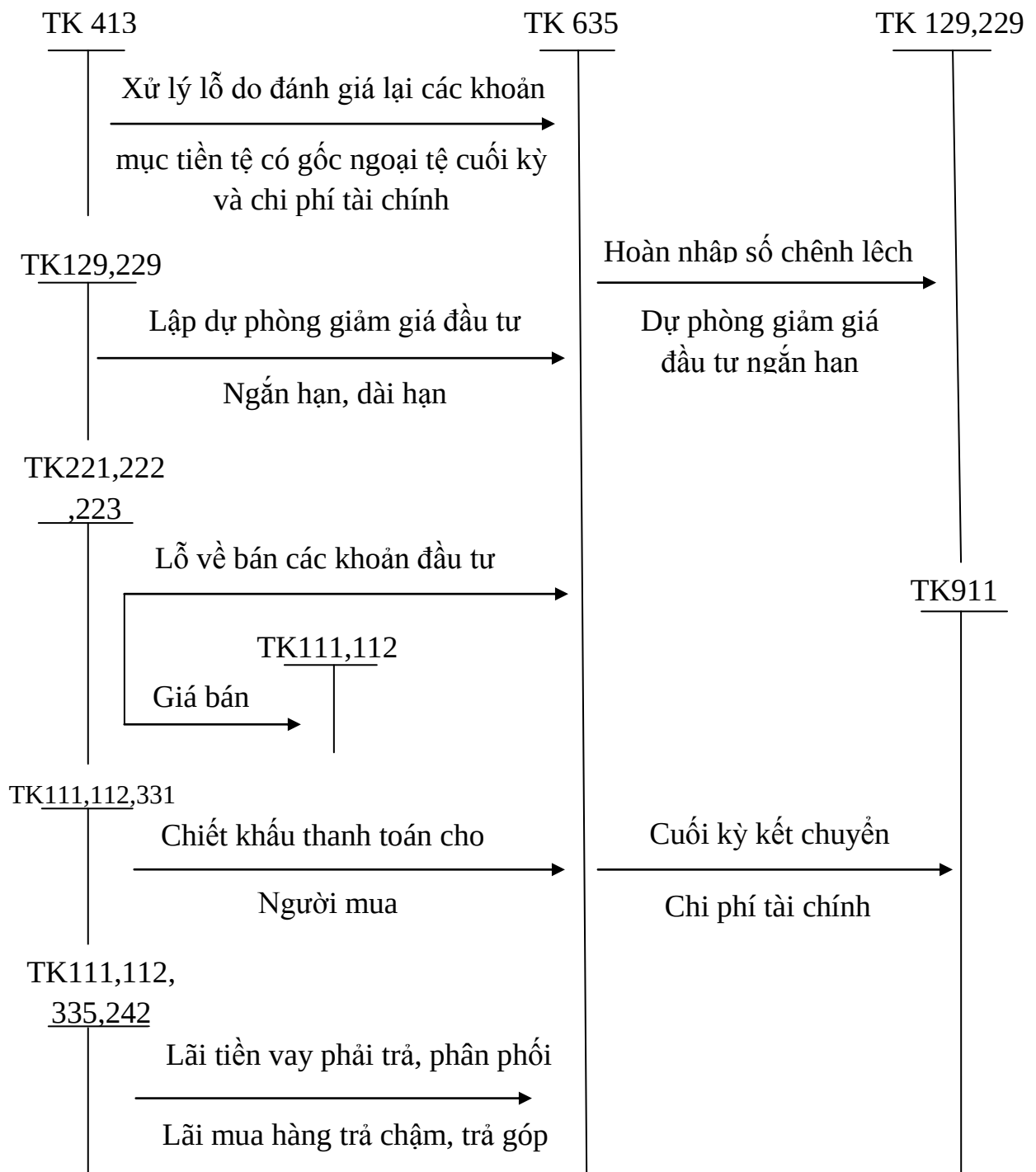
➤ **Bên Có:**

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã trích lập năm trước chưa sử dụng hết);
- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư đầu kỳ, cuối kỳ.

 Phương pháp hạch toán:

Sơ đồ 1.9: Hạch toán kế toán chi phí hoạt động tài chính



1.2.5. Kế toán chi phí, thu nhập khác.

1.2.5.1. Kế toán thu nhập khác

Là khoản thu góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu từ hoạt động ngoài sản xuất kinh doanh thông thường.

Thu nhập khác bao gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ;
- Chênh lệch lãi so đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Thu nhập từ nghiệp vụ bán và thuê lại tài sản;
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng;
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ;
- Các khoản thuế được NSNN hoàn lại;
- Thu các khoản nợ phải trả không được xác định được chủ;
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có);
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp;
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu thu (Mẫu số 01 – TT)
- Giấy báo Có của ngân hàng
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan...

Tài khoản sử dụng: TK 711 – Thu nhập khác.

➤ Bên Nợ :

- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp.

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.

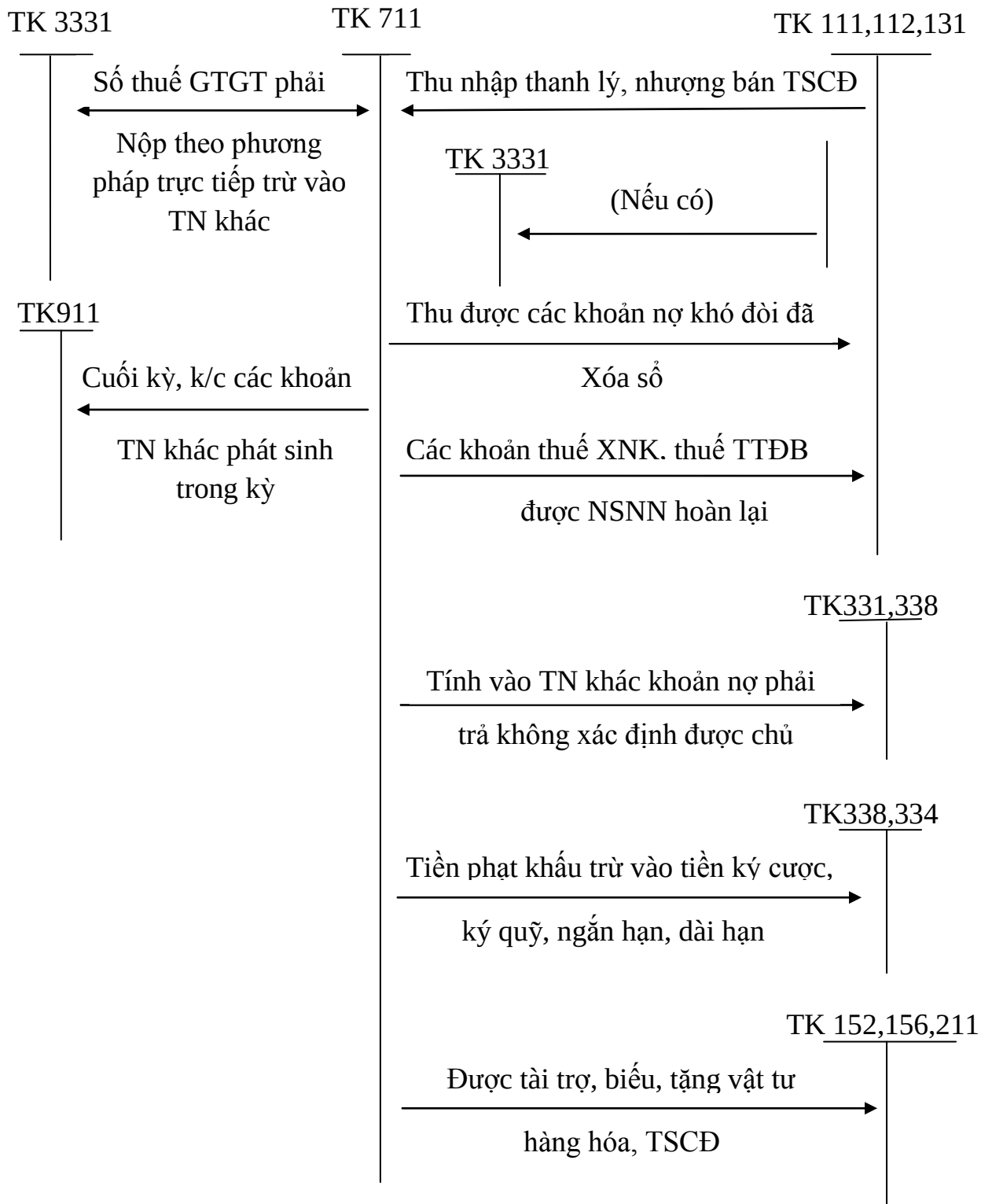
➤ **Bên Có:**

- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư đầu kỳ, cuối kỳ.

 Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.10: Hạch toán thu nhập khác



1.2.5.2. Kế toán chi phí khác

Là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài các hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Chi phí khác là những khoản chi phí (Lỗ) do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Chi phí khác của doanh nghiệp gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (Nếu có);
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác;
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế;
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế;
- Các khoản chi phí khác.

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu chi (Mẫu số 02 – TT)
- Giấy báo Nợ của ngân hàng
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Các chứng từ khác có liên quan...

Tài khoản sử dụng: TK 811 – Chi phí khác

➤ Bên Nợ:

- Các khoản chi phí khác phát sinh

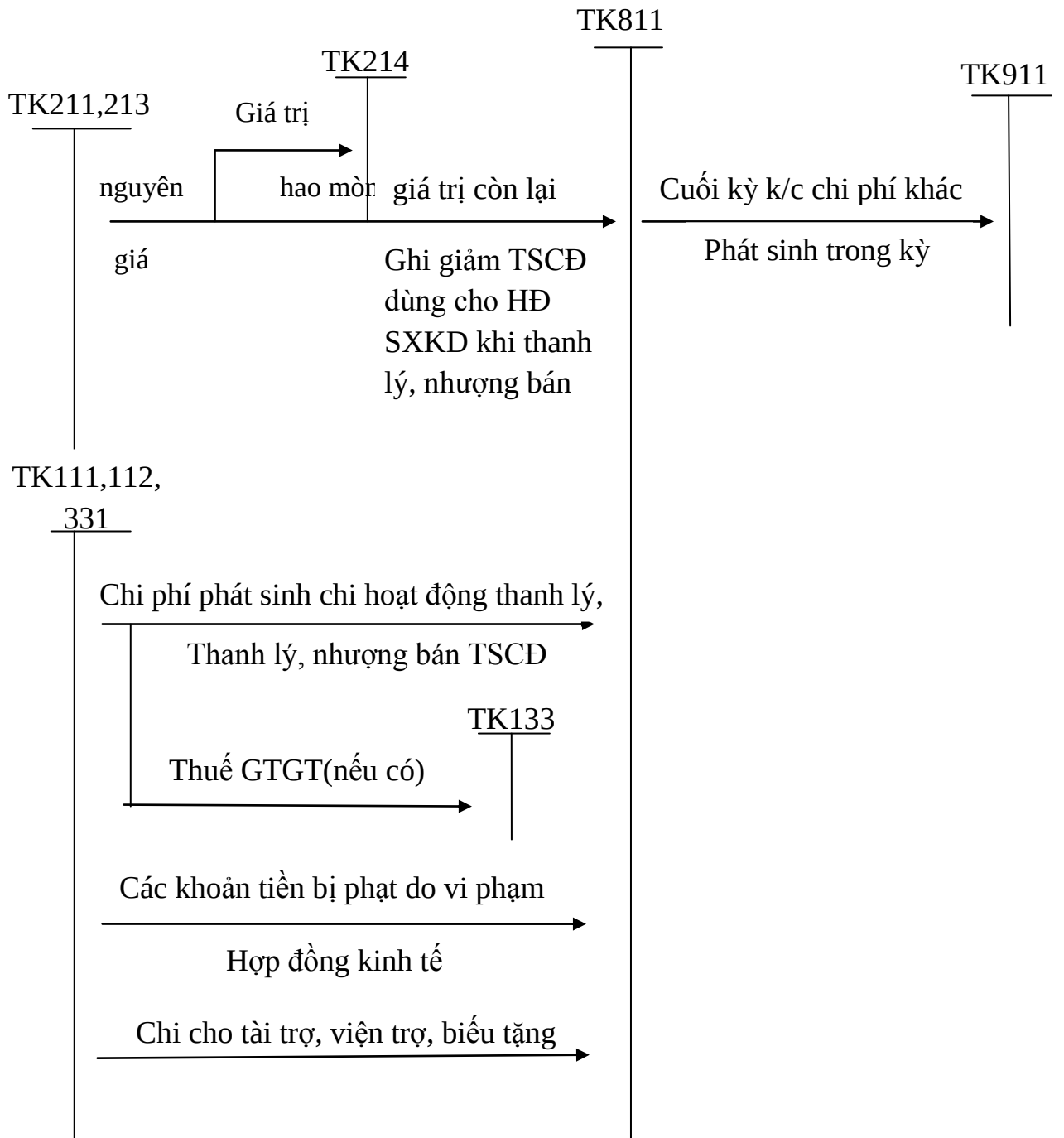
➤ Bên Có:

- Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào TK 911 “ Xác định kết quả kinh doanh “.

Tài khoản 811 không có số dư đầu kỳ.

Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.12: Hạch toán chi phí khác



1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.

Kết quả kinh doanh là kết quả tài chính cuối cùng mà DN đạt được trong một thời kỳ nhất định do các hoạt động sản xuất kinh doanh sản xuất kinh doanh và do hoạt động khác mang lại được biểu hiện thông qua chỉ tiêu lãi hoặc lỗ.

Kết quả hoạt động kinh doanh gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kinh doanh hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

- Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp.

- Kết quả hoạt động tài chính: là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

- Kết quả hoạt động khác: là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

$LN \text{ của HĐKD} = LN \text{ gộp về BH\&CCDV} + \text{Doanh thu HĐTC} - \text{Chi phí HĐTC} - \text{Chi phí bán hàng} - \text{Chi phí QLDN}$

Chứng từ kế toán sử dụng;

- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

Tài khoản sử dụng

TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Bên Nợ:

- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;

- Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác;

- Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp;

- Kết chuyển lãi.

➤ **Bên Có:**

- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ;

- Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư đầu kỳ, cuối kỳ.

❖ **TK 821 – Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả kinh doanh của DN trong năm tài chính hiện hành.

➤ **Bên Nợ:**

- Chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm;

- Thuế TNDN hiện hành của năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế TNDN hiện hành của năm hiện tại;

- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh trong năm từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả (Là số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm);

- Ghi nhận chi phí thuế TNDN hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm);

- Kết chuyển chênh lệch giữa số phát sinh Có TK 8212 – “ Chi phí thuế TNDN hoãn lại” lớn hơn số phát sinh bên Nợ TK 821 – “ Chi phí thuế TNDN

hoãn lại “ phát sinh trong kỳ vào bên Có tài khoản 911 – “ Xác định kết quả kinh doanh “.

➤ **Bên Có:**

- Số thuế TNDN hiện hành thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN hiện hành tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế TNDN hiện hành đã ghi nhận trong năm;

- Số thuế TNDN phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm hiện tại;

- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại và ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại (Số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm);

- Ghi giảm chi phí thuế TNDN hoãn lại (Số chênh lệch giữa thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm);

- Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế TNDN hiện hành phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm vào TK 911 – “ Xác định kết quả kinh doanh “;

- Kết chuyển số chênh lệch giữa số phát sinh bên Nợ TK 8212 lớn hơn số phát sinh bên Có TK 8212 – “ Chi phí thuế TNDN hoãn lại “ phát sinh trong kỳ vào bên Nợ TK 911 – “ Xác định kết quả kinh doanh “.

TK 821 không có số dư đầu kỳ, cuối kỳ và có 2 tài khoản cấp 2:

- TK 8211 – Chi phí thuế TNDN hiện hành;

- TK 8212 – Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

❖ **TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối**

Tài khoản lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế TNDN và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp.

➤ **Bên Nợ:**

- Số lỗ về hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- Trích lập các quỹ của doanh nghiệp;
- Chia cổ tức, lợi nhuận cho các cổ đông, cho các nhà đầu tư, các bên tham gia liên doanh;
- Bổ sung nguồn vốn kinh doanh;
- Nộp lợi nhuận lên cấp trên.

➤ **Bên Có:**

- Số lợi nhuận thực tế của hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ;
- Số lợi nhuận cấp dưới nộp lên, số lỗ của cấp dưới được cấp trên cấp bù;
- Xử lý các khoản lỗ về hoạt động kinh doanh.

TK 421 có thể có số dư Nợ hoặc số dư Có.

- Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
- Số dư bên Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.

TK 421 có 2 tài khoản cấp 2

- TK 4211 – Lợi nhuận chưa phân phối năm trước: phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ thuộc năm trước.

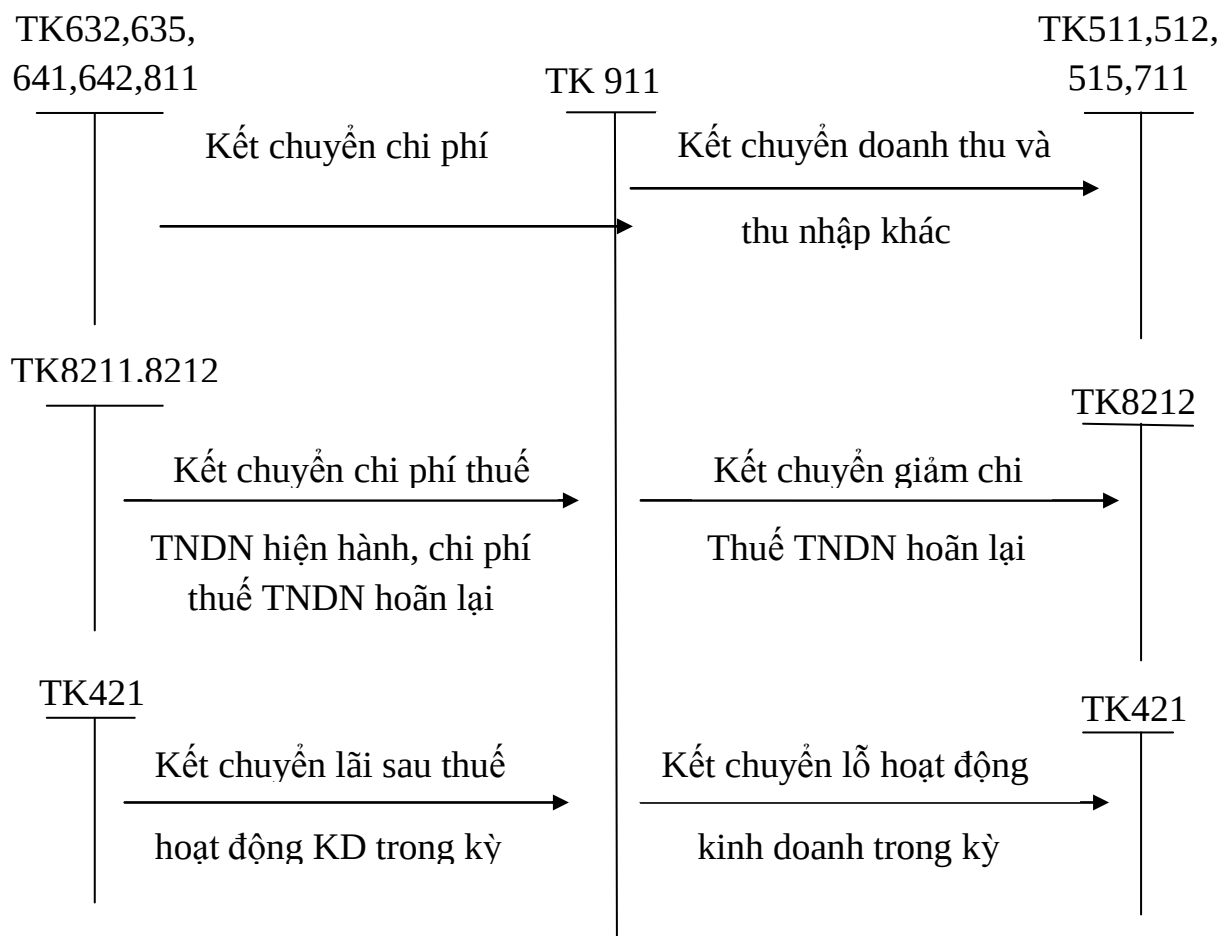
TK 4211 còn dùng để phản ánh số điều chỉnh tăng hoặc giảm số dư đầu năm của TK 4211 khi áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố các sai sót trọng yếu của năm trước, năm nay mới phát hiện.

Đầu năm sau, kế toán kết chuyển số dư đầu năm từ TK 4212 “ Lợi nhuận chưa phân phối năm nay “ sang TK 4211 “ Lợi nhuận chưa phân phối năm trước “.

- TK 4212 – Lợi nhuận chưa phân phối năm nay: phản ánh kết quả kinh doanh, tình hình phân chia lợi nhuận và xử lý lỗ năm nay.

 Phương pháp hạch toán

Sơ đồ 1.13: Hạch toán xác định kết quả kinh doanh



CHƯƠNG II
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH
THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KINH DOANH TẠI CÔNG TY CỔ
PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của công ty

2.1.1.1. Quá trình hình thành của công ty

Tên doanh nghiệp: **CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3**

Tên tiếng anh: **Haiphong Construction Joint – Stock Corporation**
No 3

Tên viết tắt: **HACO3**

Trụ sở chính: Số 7 Hồ Sen, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng

Điện thoại: 0313.849481

Fax: 0313.840314

Email: ctxaydung3@hn.vnn.vn

Website: www.haco3.com.vn

Mã số thuế: **0200509429**

Công ty cổ phần xây dựng số 3 tiền thân là một bộ phận thiết kế của Liên hiệp các Xí nghiệp xây lắp Hải Phòng sau tách ra thành lập Xí nghiệp thiết kế và xây dựng. Năm 1993, Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng ra quyết định số 76/QĐ – TCCQ ngày 14 tháng 01 năm 1993 về việc thành lập Doanh nghiệp Nhà nước từ Xí nghiệp thiết kế và xây dựng thành Công ty xây dựng số 3.

Để phù hợp với sự phát triển đi lên của ngành Xây dựng Việt Nam, Công ty xây dựng số 3 được sắp xếp, hoàn thiện, tổ chức, đổi mới hoạt động. Năm 2002, Công ty đã tiến hành cổ phần hoá doanh nghiệp và căn cứ theo Quyết định số 3270/QĐ-UB ngày 20 tháng 12 năm 2002 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng về việc chuyển Công ty xây dựng số 3 thành Công ty cổ phần xây dựng số 3.

Công ty cổ phần xây dựng số 3 chính thức hoạt động từ ngày 25/12/2002 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000346 do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch đầu tư Hải Phòng cấp, Đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 24/09/2009.

2.1.1.2. Quá trình phát triển của công ty

Qua hơn 8 năm thành lập, Công ty luôn phấn đấu giữ vững sự tăng trưởng về doanh số và quy mô hoạt động, từng bước hoàn thiện bộ máy quản lý và quy trình làm việc. Bên cạnh sự thành công và khẳng định vị thế của mình trong lĩnh vực xây dựng, Công ty còn mở rộng hoạt động sang các lĩnh vực khác.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã trải qua các sự kiện chính sau:

➤ Ngày 10/01/2003, Hội đồng quản trị ký quyết định chính thức thành lập Phòng khám chữa bệnh đa khoa số 7 Lạch Tray. Với đội ngũ y bác sỹ lành nghề cùng hệ thống trang thiết bị tiên tiến, Phòng khám số 7 Lạch Tray là địa chỉ khám chữa bệnh uy tín tại Hải Phòng, đồng thời đem lại nguồn thu ổn định cho Công ty.

➤ Năm 2004, Công ty thực hiện mua lại phần vốn góp của Nhà nước tại Công ty Liên doanh Làng Quốc tế Hướng Dương (40%) theo đó trở thành đồng sở hữu của khu tổ hợp tiêu chuẩn 4 sao cấp tiêu chuẩn Quốc tế duy nhất tại Hải Phòng chuyên phục vụ người nước ngoài thuê. Doanh thu xấp xỉ 65 tỷ đồng.

➤ Tháng 11/2004, khởi công xây dựng Chung cư cao cấp 13 tầng (H-Tower I) tại 195 Văn Cao với quy mô 12.000m². Chung cư xây dựng bao gồm khối văn phòng cho thuê, nhà hàng tiện nghi và 64 căn hộ cao cấp. Sự ra đời của H-Tower I đã khẳng định hướng đi đúng đắn của Công ty trong việc phát huy thế mạnh trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ cho thuê căn hộ cao cấp.

➤ Ngày 01/02/2005, Hội đồng quản trị quyết định thành lập Nhà máy kết cấu thép tại Km số 9 đường Hà Nội.

➤ Ngày 10/01/2009, Hội đồng quản trị ra quyết định thành lập Công ty TNHH tư vấn thiết kế HACO3.

➤ Ngày 11/03/2009, tiến hành khởi công xây dựng chung cư cao cấp tại mặt bằng lô Q (số 197 Văn Cao) với quy mô xây dựng 14 tầng trên diện tích đất 1.000m², với 4 tầng dịch vụ và công cộng và 9 tầng căn hộ.

➤ Ngày 05/06/2009, thành lập Công ty TNHH nội thất Ngôi nhà hạnh phúc.

Kể từ khi thành lập tới nay, từ mức vốn điều lệ ban đầu của Công ty là 9,636 tỷ đồng đến nay vốn điều lệ của Công ty đã tăng lên mức 82,164 tỷ đồng. Với năng lực và kinh nghiệm sẵn có cùng với việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000, Công ty cổ phần xây dựng số 3 luôn mang đến cho khách hàng sự tin tưởng và hài lòng nhất về các sản phẩm, dịch vụ do Công ty cung cấp, trở thành doanh nghiệp đi đầu và thành công trong việc đầu tư xây dựng các khu đô thị mới, các khu chung cư cao cấp, khu căn hộ tiêu chuẩn quốc tế cho người nước ngoài thuê tại Việt Nam.

2.1.1.3. Thuận lợi

- Công ty đã có bề dày truyền thống và được sự tín nhiệm của nhiều khách hàng cho nên dù chịu ảnh hưởng không nhỏ của cuộc suy thoái kinh tế những năm qua nhưng Công ty vẫn đứng vững duy trì và phát triển.

- Cơ chế quản lý điều hành trong Công ty tiếp tục được đổi mới, hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi nâng cao chất lượng, hiệu quả sản xuất kinh doanh. Vốn điều lệ của Công ty đã tăng từ 9,6 tỷ đồng lên 72,1 tỷ đồng.

- Công ty có nhiều ngành nghề hoạt động kinh doanh nên có lượng khách hàng rộng lớn từ đó không ngừng phát triển hoàn thiện về quy mô sản xuất, đội ngũ cán bộ công nhân viên.

- Công tác chỉ đạo điều hành tiếp tục được đổi mới, hiệu quả được nâng cao, uy tín thương hiệu của Công ty HACO3 ngày càng được khẳng định trên các tỉnh, thành phố trong nước.

- Được sự ủng hộ, chỉ đạo trực tiếp của Sở Xây dựng Hải Phòng. Bên cạnh đó cũng được sự giúp đỡ của các sở, ban ngành của các tỉnh, thành phố nơi Công ty có công trình thi công.

- Công ty luôn luôn cải tiến hệ thống quản lý chất lượng ISO sao cho phù hợp với hoạt động sản xuất kinh doanh.

2.1.1.4. Khó khăn

Đồng hành cùng những mặt thuận lợi cũng là không ít khó khăn, thách thức mà doanh nghiệp phải vượt qua:

- Chế độ chính sách, pháp luật của Nhà nước trong những năm qua có nhiều thay đổi đã ảnh hưởng trực tiếp đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh.

- Tình hình một số giá cả vật tư biến động lớn ảnh hưởng đến chi phí đầu vào và công tác đấu thầu thực hiện các công trình xây lắp.

- Lực lượng lao động nhất là lực lượng kỹ thuật, quản lý, công nhân kỹ thuật chưa đáp ứng được sự tăng trưởng vượt bậc trên nhiều lĩnh vực chủ yếu của Công ty.

2.1.2. Kết quả hoạt động của Công ty 1 năm gần đây đã đạt được

2.1.2.1. Về sự biến động của tài sản và nguồn vốn tại Công ty

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012
<i>I. Tài sản</i>		
A. Tài sản ngắn hạn	46.675.391.206	30.594.995.934
B. Tài sản dài hạn	186.852.695.466	223.802.534.519
Tổng tài sản	233.528.086.672	254.397.530.453
<i>II. Nguồn vốn</i>		
A. Nợ phải trả	29.376.401.002	38.685.342.248
B. Nguồn vốn chủ sở hữu	204.151.685.670	215.712.188.205
Tổng nguồn vốn	233.528.086.672	254.397.530.453

Biểu 2.1: Tình hình biến động tài sản và nguồn vốn qua các năm 2011, 2012

Nhìn vào bảng trên ta thấy tài sản dài hạn chiếm tỷ trọng cao hơn tài sản ngắn hạn; cụ thể năm 2012, tài sản dài hạn chiếm 87,97% trong tổng tài sản. Điều này chứng tỏ rằng, với sự cố gắng của Ban lãnh đạo và tập thể CBCNV trong đơn vị, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty mang lại lợi nhuận thấp, đã đạt hiệu quả không cao. Tuy nhiên đây là công ty xây dựng thì TSDH phải có tỷ trọng lớn; chứng minh cho thấy vật chất kỹ thuật của Công ty trong năm 2012 có nhiều thay đổi. Công ty đã thực hiện mua sắm cũng như loại bỏ các tài sản không cần thiết, tài sản hỏng. Các máy móc thiết bị phục vụ thi công các công trình cũng như thiết bị vận tải truyền dẫn, thiết bị quản lý, giàn giáo cốt pha trong năm 2012 đều tăng so với năm 2011 chứng tỏ công ty đã mở rộng sản xuất kinh doanh. Việc thuê tài sản cố định tăng lên góp phần hạn chế áp lực nhu cầu về nguồn vốn cho tài sản, góp phần làm giảm chi phí cho công ty và nhờ đó công ty kiểm soát được sự gia tăng của giá vốn, giá thành, nâng cao lợi nhuận và hiệu quả sản xuất kinh doanh. Đây cũng là xu hướng chung của các công ty hiện nay.

Bên cạnh đó ta thấy tỷ trọng nợ phải trả trên tổng nguồn vốn năm 2011 là 12,579%, năm 2012 tỷ trọng nợ phải trả trên tổng vốn là 15,206% tăng lên 2,627% so với năm 2011. Nợ phải trả tăng lên chủ yếu do tăng các khoản phải nợ ngắn hạn và trong các khoản nợ ngắn hạn thì các khoản phải trả người bán, người mua trả tiền trước chiếm tỷ trọng chủ yếu. Như vậy nợ ngắn hạn của doanh nghiệp chủ yếu phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Trong thực tế nếu một doanh nghiệp có nợ phải trả và vốn chủ sở hữu đạt tỷ lệ 50-50 được coi là kết cấu tối ưu nhất vì khi đó doanh nghiệp một mặt đảm bảo được khả năng tự chủ về sản xuất kinh doanh, khả năng thanh toán, mặt khác lại tranh thủ được vốn từ các nguồn khác, chiếm dụng vốn của các tổ chức khác với mức độ vừa phải. Ở trên ta thấy tỷ suất tự tài trợ của năm 2012 của công ty là 0,85 tức là công ty vẫn đảm bảo đủ vốn, mức tự chủ về tài chính là khá tốt.

2.1.2.2. Sự biến động về doanh thu

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2010	Năm 2011	Năm 2012
Doanh thu thuần	47.078.665.745	38.710.816.298	59.283.505.573
Lợi nhuận trước thuế	21.312.336.059	32.255.443.725	25.041.314.060
Lợi nhuận sau thuế	15.984.252.044	27.693.622.865	18.780.985.545
TN bình quân ng/tháng	1.800.000	2.000.000	2.200.000

Biểu 2.2 Tình hình biến động về lợi nhuận trong các năm 2010, 2011, 2012

Ta nhận thấy doanh thu thuần năm 2012 cao hơn năm 2011 là 20.572.689.275đ tuy nhiên lợi nhuận sau thuế năm 2012 thấp hơn năm 2011 là 8.912.637.320đ . Điều này chứng tỏ năm 2012 đã phát sinh nhiều chi phí hơn những năm trước. Điều này do chịu ảnh hưởng hậu quả của sự suy giảm kinh tế và nợ công trên thế giới ảnh hưởng đến nền kinh tế nước ta từ năm 2009; lạm phát dẫn tới giá cả biến động thất thường làm cho chi phí nguyên vật liệu xây dựng, nhân công, máy thi công cao làm cho lợi nhuận đạt được thấp hơn nhiều so với những năm trước đó.

2.1.3. Đặc điểm kinh doanh của công ty

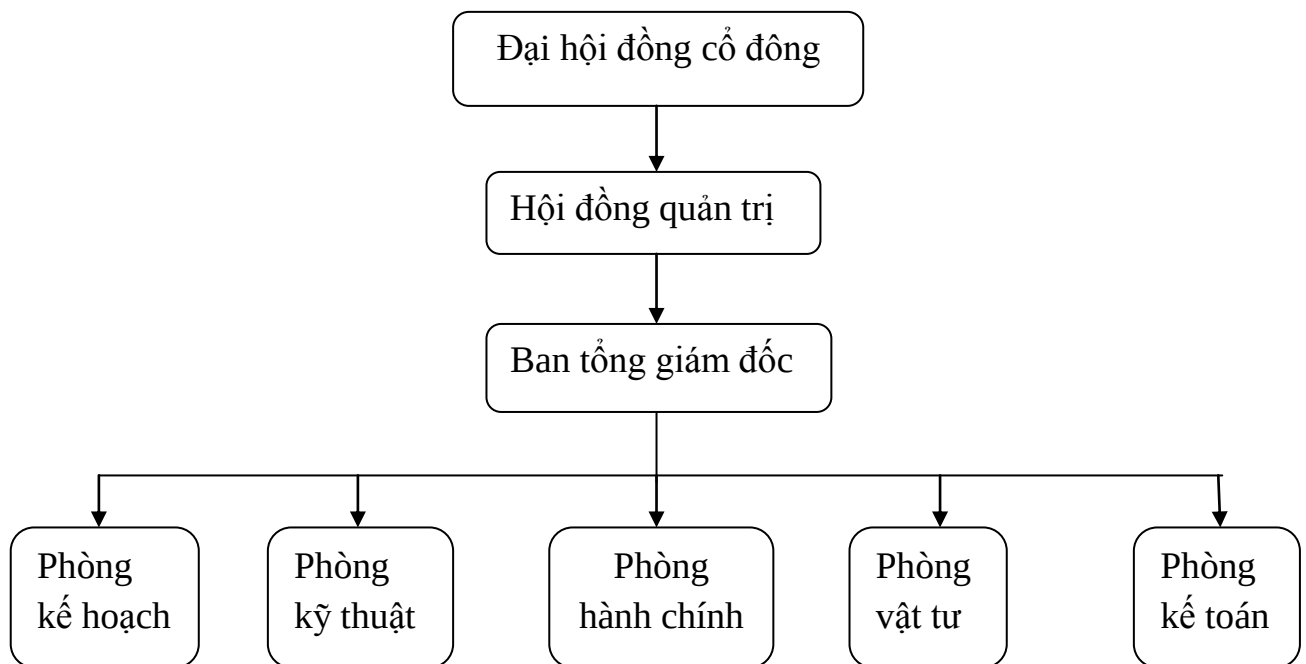
Ngày nghề hoạt động kinh doanh chính của Công ty là thiết kế và xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, kinh doanh nhà, khách sạn, dịch vụ du lịch, sản xuất gia công đồ nội thất cao cấp, dịch vụ khám chữa bệnh.

Công ty có 07 xí nghiệp thành viên, 01 chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh và 02 công ty liên doanh.

- Các xí nghiệp 301, 302, 305, 306, 307: Chuyên thi công các công trình nhà dân dụng, khu công nghiệp và các cơ sở hạ tầng.
- Công ty TNHH tư vấn thiết kế HACO3: Chuyên thiết kế các công trình.

- Công ty TNHH nội thất Ngôi Nhà Hạnh Phúc: Chuyên sản xuất gia công đồ gỗ, cơ điện lạnh, khung nhà thép tiền chế.
- Công ty Liên doanh Làng Quốc tế Hướng Dương: Chuyên kinh doanh khu liên hợp nhà ở và giải trí cho người nước ngoài.

2.1.4. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ bộ máy quản lý Công ty

➤ **Đại hội đồng cổ đông:** Là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông thường niên, Đại hội đồng cổ đông bất thường. Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần vào 45 ngày đầu của năm kế hoạch, các đại hội khác được gọi là Đại hội bất thường.

➤ **Hội đồng quản trị:** Là cơ quan quản trị cao nhất của Công ty giữa 2 kỳ đại hội cổ đông. HĐQT có toàn quyền nhân danh Công ty cổ phần quyết định các vấn đề có liên quan đến mục tiêu và quyền lợi của Công ty phù hợp pháp luật, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHCĐ.

➤ **Ban Giám đốc:** Ban giám đốc đứng đầu là Giám đốc, đồng thời là Chủ tịch HĐQT, người có quyền lực và chịu trách nhiệm cao nhất trong quá trình điều hành Công ty. Giúp việc cho Giám đốc có ba Phó giám đốc và các bộ phận phòng ban theo nghiệp vụ chức năng.

➤ **Phòng kế hoạch:** Tổ chức việc lập kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch giá thành, kế hoạch cung ứng vật tư, tính toán hiệu quả các biện pháp và ứng dụng kỹ thuật khoa học mới, đồng thời đề xuất những vấn đề kết hợp với các phòng ban có liên quan thực hiện công tác hạch toán kinh doanh và phân tích hoạt động kinh doanh, lập báo cáo kế hoạch thường xuyên định kỳ theo quy định của Nhà nước và của Công ty.

➤ **Phòng kỹ thuật:** Làm nhiệm vụ giúp Giám đốc theo dõi, giám sát chất lượng kỹ thuật, mỹ thuật công trình. Tham gia thiết kế các công trình dân dụng và công nghiệp, lập dự toán cho các công trình.

➤ **Phòng tổ chức hành chính:** Làm nhiệm vụ giúp Giám đốc trong công tác nghiệp vụ quản lý toàn bộ công nhân viên, lập kế hoạch lao động tiền lương, đảm bảo thực hiện các chế độ chính sách theo quy định của Nhà nước.

➤ **Phòng vật tư:** Làm nhiệm vụ cung ứng vật tư cho các công trình, xí nghiệp theo định mức của dự toán thi công từng công trình. Lập các báo cáo kế hoạch thường xuyên định kỳ theo quy định của Nhà nước và Công ty.

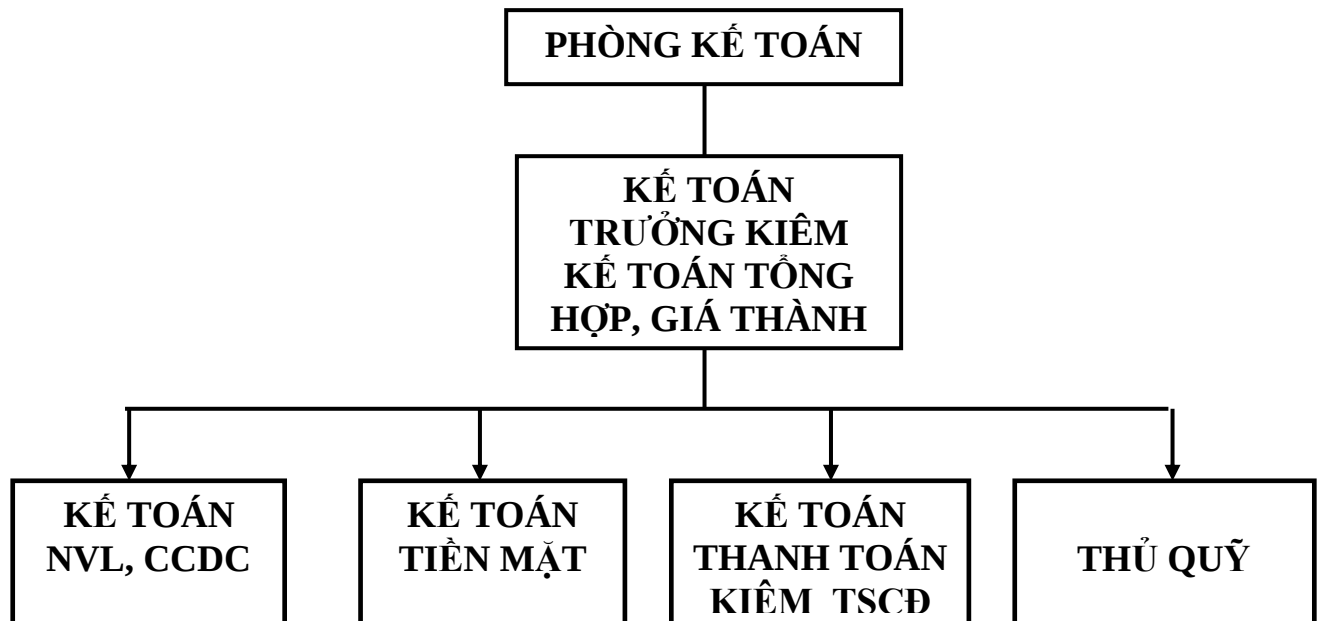
➤ **Phòng kế toán tài vụ:** Có chức năng Giám đốc về tài chính, kiểm tra phân tích hoạt động kinh doanh của Công ty, tình hình thực hiện kế hoạch, phản ánh trung thực các số liệu về các chỉ tiêu kinh tế. Từ đó tham mưu giúp cho Giám đốc đưa ra quyết định phù hợp với điều kiện cụ thể trong sản xuất kinh doanh nhằm đạt hiệu quả cao nhất, mặt khác còn theo dõi việc sử dụng vật tư tài sản, ngăn chặn kịp thời những lãng phí trong quá trình SXKD của Công ty.

2.1.5. Tổ chức công tác kế toán tại Công ty Cổ phần xây dựng số 3

2.1.5.1. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán

Để tổ chức bộ máy kế toán hợp lý, gọn nhẹ, có hiệu quả đảm bảo cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, công ty đã lựa chọn hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung. Hình thức này tạo điều kiện thuận lợi cho việc kiểm tra chỉ đạo nghiệp vụ và đảm bảo sự lãnh đạo tập trung thống nhất của kế toán

trường cũng như sự chỉ đạo kịp thời của ban lãnh đạo công ty đối với hoạt động kinh doanh nói chung và công tác kế toán nói riêng



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán Công ty cổ phần xây dựng số 3

Phòng kế toán tài vụ: Là trung tâm cung cấp những thông tin về sự vận động của tài sản, cung cấp chính xác cụ thể những con số thống kê hàng tháng, là căn cứ cho ban lãnh đạo Công ty kịp thời chỉ đạo sản xuất kinh doanh.

- * Cơ cấu tổ chức của phòng kế toán gồm 06 người
- * Chức năng, nhiệm vụ của mỗi người như sau :

- **Kế toán trưởng:** Là trưởng phòng chỉ đạo tất cả các bộ phận kế toán và chịu trách nhiệm chung toàn bộ công tác kế toán của Công ty, đồng thời là kế toán tổng hợp, kế toán giá thành tập hợp tất cả các số liệu do các bộ phận kế toán khác gửi lên, xác định tập hợp chi phí sản xuất phân bổ cho từng đối tượng sử dụng, tính giá thành từng công trình, theo dõi doanh thu và xác định kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- **Kế toán VL, CCDC:** Là người theo dõi tổng hợp tình hình nhập, xuất, tồn kho các loại vật liệu, công cụ dụng cụ.

- **Kế toán thanh toán kiêm TSCĐ**: Là người theo dõi lương, thưởng cho CBCNV đồng thời theo dõi tình hình biến động tăng, giảm TSCĐ, tiến hành trích quỹ khấu hao hàng tháng.

- **Thủ quỹ**: Là người quản lý tiền mặt tại quỹ, chịu trách nhiệm thu tiền các công trình, thu chi tiền mặt, tiền gửi ngân hàng đồng thời có chức năng quan hệ thanh toán với ngân hàng.

- **Kế toán tiền mặt**: Là người chịu trách nhiệm làm phiếu thu, chi, ủy nhiệm chi, ...

2.1.5.2. Tổ chức công tác kế toán và hình thức ghi sổ kế toán

Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty

- Hệ thống chứng từ và tài khoản kế toán của Công ty áp dụng theo chuẩn mực kế toán ban hành theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.

- Niên độ kế toán: Từ ngày 1/1 đến ngày 31/12 cùng năm

- Đơn vị tiền tệ: VNĐ

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên

- Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho: Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

- Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao theo đường thẳng

- Phương pháp tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ, nộp thuế tại chi cục thuế quận Lê Chân.

- Công tác kế toán tại Công ty được thực hiện phần lớn trên máy tính, không sử dụng phần mềm kế toán mà chỉ thao tác trên Word, Excel.

- Hệ thống báo cáo tài chính gồm: bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ.

Hình thức kế toán

- Để đáp ứng được yêu cầu quản lý, tạo điều kiện cho công tác hạch toán được thuận lợi, Công ty đã áp dụng hình thức kế toán "**NHẬT KÝ**

CHUNG". Hình thức kế toán nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau: sổ nhật ký chung; sổ cái; sổ, thẻ kế toán chi tiết; bảng tổng hợp chi tiết; bảng cân đối sổ phát sinh.

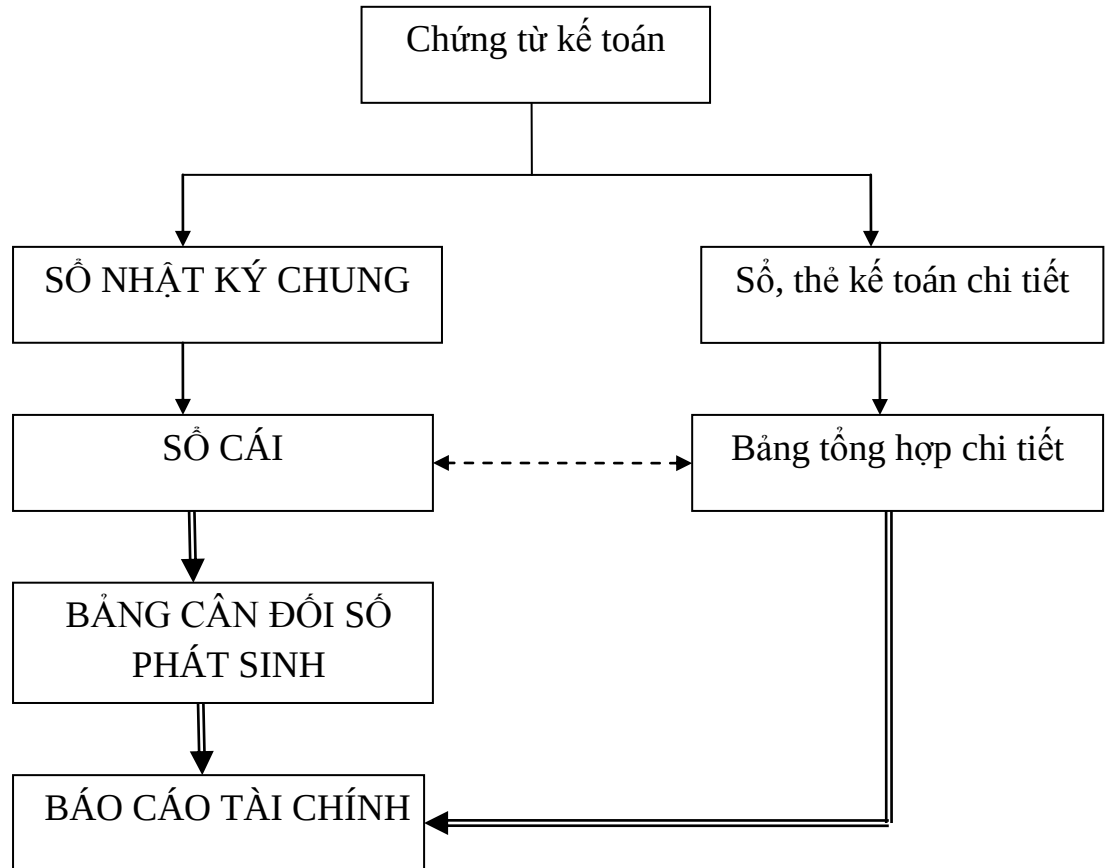
- Theo hình thức này, mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh được tập hợp từ chứng từ gốc, sau đó kế toán tiến hành ghi vào các sổ kế toán chi tiết (nếu có) và sổ kế toán tổng hợp.

- Phân hạch toán kế toán tổng hợp được thực hiện theo trình tự sau: từ chứng từ gốc kế toán ghi vào sổ nhật ký chung theo thứ tự thời gian phát sinh các nghiệp vụ. Sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ nhật ký chung để tiến hành ghi vào sổ cái các tài khoản liên quan. Cuối tháng, quý, năm, kế toán cộng số liệu trên sổ cái, từ sổ cái lập bảng cân đối sổ phát sinh.

- Phân hạch toán kế toán chi tiết được thực hiện theo trình tự sau: từ chứng từ gốc kế toán ghi các nghiệp vụ phát sinh vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan theo thứ tự thời gian. Từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết lập bảng tổng hợp chi tiết.

- Định kỳ, kế toán kiểm tra và đối chiếu số liệu giữa sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết, nếu khớp nhau là được. Số liệu ghi trên sổ cái, bảng cân đối sổ phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết được dùng là cơ sở để kế toán lập báo cáo tài chính.

Sơ đồ 2.3 :Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức nhật ký chung của Công ty



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra ↔

2.1.5.2. Tổ chức hệ thống báo cáo kế toán

Hệ thống báo cáo tài chính của công ty bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán
- Báo cáo kết quả kinh doanh
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
- Bản thuyết minh báo cáo tài chính

Ngoài ra, kế toán còn lập thêm các báo cáo khác như: Bảng cân đối số phát sinh, báo cáo thuế,...

2.2. thực trạng tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

2.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Cổ phần xây dựng số 3.

- Ngành nghề hoạt động kinh doanh của Công ty là thiết kế và xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, kinh doanh, khách sạn, dịch vụ du lịch, sản xuất gia công đồ nội thất cao cấp, dịch vụ khám chữa bệnh.

- Bán hàng: bán các sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra và bán hàng hóa mua vào: như bán những căn hộ cao cấp, những công trình đã hoàn thiện,...

- Cung cấp dịch vụ: thực hiện các công việc đã thỏa thuận trong 1 hoặc nhiều kỳ kế toán như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê tài sản theo phương thức hoạt động, doanh thu bất động sản đầu tư.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các công trình xây dựng, các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng .

Chứng từ sử dụng:

- Hóa đơn GTGT

Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:

Liên 1: Màu tím – Lưu lại cuống gốc.

Liên 2: Màu đỏ - Giao cho khách hàng.

Liên 3: Màu xanh – Làm căn cứ bán hàng và giao cho kế toán hạch toán nghiệp vụ.

- Hợp đồng mua bán
- Quyết toán thi công
- Phiếu thu
- Giấy báo Có của ngân hàng
- Các chứng từ khác có liên quan...

 Sổ sách sử dụng:

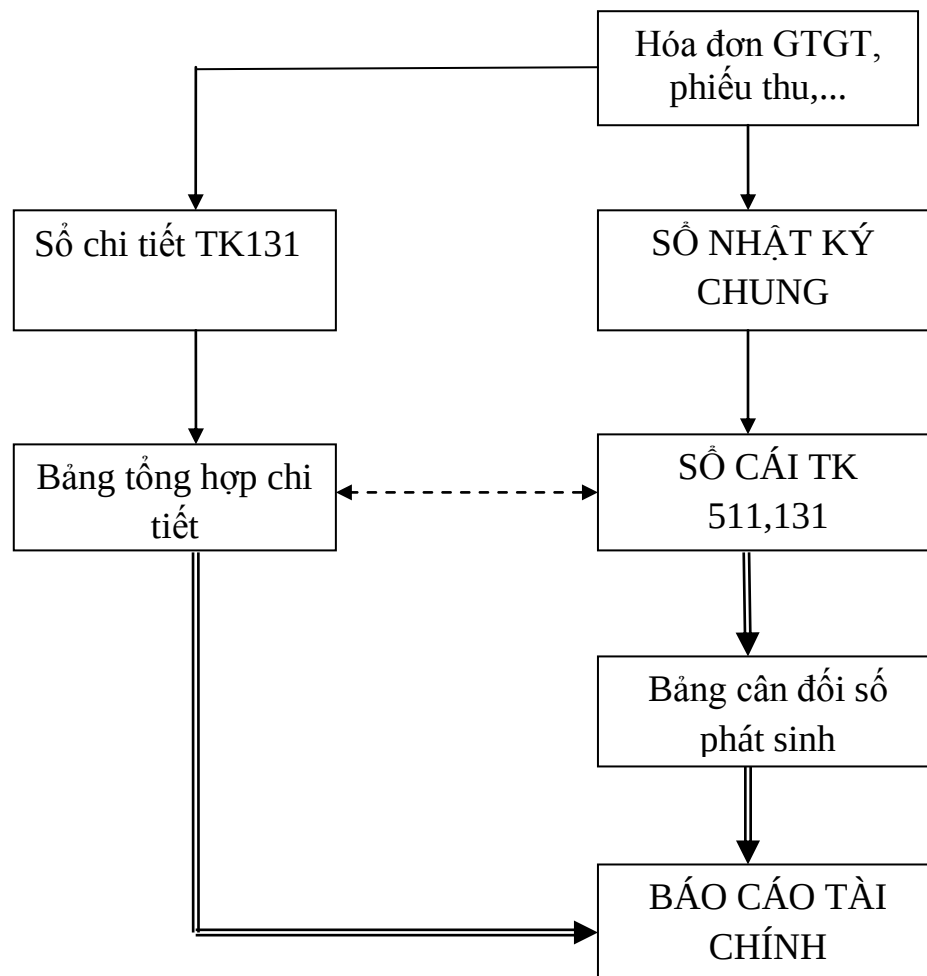
- Sổ chi tiết 131...
- Bảng tổng hợp phải thu khách hàng
- Sổ nhật ký chung...
- Sổ cái 511, 911, 111, 131,...

 Tài khoản sử dụng:

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- TK 131: Phải thu khách hàng
- TK 111: Tiền mặt
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 3331: Thuế GTGT phải nộp
- Các TK khác có liên quan...

 Trình tự hạch toán kế toán:

Sơ đồ 2.4: Quy trình kế toán doanh thu tại công ty



Ghi chú:

- Ghi cuối kỳ: $\Longrightarrow$
- Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$
- Đối chiếu, kiểm tra: $\longleftrightarrow$

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc như: Hóa đơn GTGT, phiếu thu,... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, đồng thời ghi vào sổ chi tiết TK 131, sau đó từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào các sổ cái có liên quan.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh, đồng thời cũng từ sổ chi tiết các tài khoản, kế toán lập bảng tổng hợp chi tiết. Sau đó cuối cùng dựa vào bảng cân đối số phát sinh và bảng tổng hợp chi tiết để lập Báo cáo tài chính.

VD:

Vào tháng 2 năm 2011 Công ty ký hợp đồng xây dựng nhận thi công dự án đầu tư xây dựng Công trình “ Xưởng gia công kết cấu thép “. Hợp đồng quy định nhà thầu thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện Doanh thu từ hoạt động xây dựng của Công ty được xác định như sau:

Khi nhận được bản kiểm kê khối lượng công trình hoàn thành trong quý, kế toán sẽ tiến hành tính giá thành giai đoạn thực hiện. Bên Công ty sẽ lập Biên bản nghiệm thu theo giai đoạn của Công trình và chuyển cho chủ đầu tư.

Biểu số 2.3: Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG CÔNG VIỆC HOÀN THÀNH

Hôm nay, ngày 25 tháng 12 năm 2012

Tại dự án: Xưởng gia công kết cấu thép

Địa điểm: Trung tâm Hội chợ triển lãm Quốc tế Hải Phòng – Đường 353 – Hải Phòng.

Hạng mục: Phần xây dựng nhà xưởng, nhà xe, nhà vệ sinh, tường rào, sân bãi.

Các bên tham gia nghiệm thu:

Đại diện chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Ông: Nguyễn Xuân Đình Chức vụ: Trưởng phòng Đầu tư

Đại diện đơn vị thi công: chi nhánh công ty lắp máy và xây dựng 45 - 1

Ông: Trịnh Hữu Giang Chức vụ: Trưởng phòng Đầu tư

STT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Đào đất móng	m3	125	40.000	5.000.000
2	Đóng cọc tre	Cái	2.200	2.500	5.500.000
3	Đổ bê tông móng cọc	M3	23,5	90.000	2.115.000
4	Bồi dưỡng nhân công bê tông	Ng	12	50.000	600.000
5	Nước uống cho nhân công bê tông	Bình	4	20.000	80.000
					
	Tổng				403.841.262

Hải Phòng, Ngày 25 tháng 12 năm 2012

Ban QLDA
Giám đốc Cán bộ kỹ thuật

Nhà thầu thi công
Giám đốc Chỉ huy trưởng

Sau khi nhận được biên bản nghiệm thu công trình theo giai đoạn, kế toán bên chủ dự án tiến hành lập hóa đơn giá trị gia tăng, Bảng tính tổng hợp giá trị khối lượng và Bảng thanh toán chi phí giao cho Công ty. Kế toán Công ty tiến hành ghi nhận doanh thu theo giai đoạn cho công trình vào tài khoản 511. Kế toán tiến hành nhập số liệu sổ sách

Biểu số 2.4 : Hóa đơn giá trị gia tăng

HOÁ ĐƠN (GTGT)

Mẫu số 01 - GTKT - 3LL

Liên 2 (Giao cho khách hàng)

NM/2012

Ngày 25 tháng 12 năm 2012

Số:0036853

Đơn vị bán hàng: Chi nhánh công ty lắp máy và xây dựng 45 – 1

Địa chỉ: Km7 đường 5 quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Số tài khoản: 102010000054009

Mã số thuế: 0101325452

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Sơn

Đơn vị: Công ty cổ phần xây dựng số 3

Địa chỉ: 195 Văn Cao - Hải Phòng

Số TK: 0186826764 Hình thức thanh toán: ck

Mã số thuế: 0200509429

STT	Tên hàng hoá dịch vụ	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3
1	Quyết toán công trình: Xưởng gia công kết cấu thép				
2					
Cộng tiền hàng					403.841.262
Thuế suất thuế GTGT 10% tiền thuế GTGT:					40.384.126
Tổng cộng thanh toán:					444.225.388
Số tiền bằng chữ: Bốn trăm bốn bốn triệu hai trăm hai năm nghìn ba trăm tám tám đồng chẵn.					

Người mua hàng
(Ký, họ tên)

Người bán hàng
(Ký, họ tên)

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, đóng dấu, họ
tên)

(Nguồn: Phòng tài chính kế toán)

Biểu số 2.5:

Công ty Cổ phần xây dựng số 3
195 Văn Cao – Hải An – Hải
Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng
BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

năm 2012

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
...	...	...				
23/12	HD 62189	23/12	Mua thép của Cty TNHH Sơn Trường	152	159.844.469	
				133	15.984.447	
				112		175.828.916
23/12	P XK 302	23/12	Xuất thép cho công trình Gas hóa lỏng Đình Vũ	621	159.844.469	
				152		159.844.469
25/12	PC 207	25/12	Mua cát của Cty TNHH Quang Huy	152	6.291.800	
				133	629.180	
				111		6.920.980
25/12	HD 36853	25/12	Bàn giao công trình xưởng gia công kết cấu thép theo giai đoạn thực hiện	131	444.225.388	
				511		403.841.262
				3331		40.384.126
						
31/12	PKT 64	31/12	Kết chuyển sang xác định kết quả kinh doanh	511	59.283.505.573	
				911		59.283.505.573
			Cộng phát sinh		256.078.251.439	256.078.251.439

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.6:

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng BTC)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3
195 Văn Cao – Hải An – Hải Phòng

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 511

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Quý 4 năm 2012

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
....						
25/12	HĐ 36846	25/12	Gía trị quyết toán hạng mục công trình “ Tường rào tuyến bờ mương do thay đổi vị trí”	112		122.320.000
25/12	HĐ 36853	25/12	Bàn giao công trình xưởng gia công kết cấu thép theo giai đoạn thực hiện	131		403.841.262
31/12	PKT 64	31/12	Kết chuyển sang xác định kết quả kinh doanh	911	59.283.505.573	
			Cộng phát sinh		59.283.505.573	59.283.505.573
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.7:

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
SỐ 3**
195 Văn Cao – Hải An – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ
trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 131

Tên tài khoản: phải thu của khách hàng

Quý 4 năm 2012

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		3.238.885.124	
....						
15/11	HD 31297	15/11	Xuất kho bán 270 trụ cột bê tông nhựa nóng cho công ty CP xây dựng số 2	511	140.000.000	
				3331	14.000.000	
16/11	HD 31299	16/11	Công ty bán một bất động sản đầu tư cho ông Trần Anh Hưng ở đường Văn Cao	5117	2.650.000.000	
				3331	265.000.000	
						
25/12	HD 36846	25/12	Bàn giao công trình “Tuồng rào tuyến bờ mương do thay đổi vị trí”	511	122.320.000	
				3331	12.232.000	
25/12	HD 36853	25/12	Bàn giao công trình xưởng gia công kết cấu thép theo giai đoạn thực hiện	511	403.841.262	
				3331	40.384.126	
						
			Cộng phát sinh		14.328.121.610	14.146.762.065
			Số dư cuối kỳ		3.420.244.669	

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán.

Đối với Công ty trị giá vốn hàng bán, dịch vụ cung cấp bao gồm tất cả các chi phí thực tế đã phát sinh (nhân công, vật tư và một số chi phí khác...) của chính công trình mà Công ty tham gia thi công. Khi nào bàn giao công trình căn cứ vào bảng phân bổ chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp, bảng tổng hợp chi phí máy thi công, bảng tổng hợp chi phí chung, kế toán lập được sổ chi tiết giá thành sản phẩm của từng công trình. Từ giá thành sản phẩm kết chuyển về giá vốn của từng công trình. Khi bàn giao công trình hoàn thành thì kế toán đồng thời ghi nhận giá vốn tương ứng. Giá thành sản phẩm xây lắp theo phương pháp này được xác định như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Giá thành thực tế} & & \text{Chi phí sản} & & \text{Chi phí thực} & & \text{Chi phí sản} \\ \text{của khối lượng} & & \text{xuất dở} & & \text{tế phát sinh} & & \text{xuất thực tế} \\ \text{xây lắp hoàn} & = & \text{dang trong} & + & \text{trong kỳ} & - & \text{dở dang} \\ \text{thành trong kỳ} & & \text{kỳ} & & & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

Trong đó chi phí sản xuất thực tế dở dang cuối kỳ tính như sau:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Chi phí} & & \text{CPSX dở dang} & + & \text{CPSX phát sinh} & & \text{Giá trị} \\ \text{khối} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{khối lượng} \\ \text{lượng} & = & & & & & \text{xây lắp dở} \\ \text{xây lắp} & & & & & & \text{dang cuối} \\ \text{dở} & & & & & & \text{kỳ theo dự} \\ & & & & & & \text{toán} \end{array}$$

$$\begin{array}{ccccccc} & & \text{Giá trị khối} & + & \text{Giá trị khối} & & \\ & & \text{lượng xây lắp} & & \text{lượng xây lắp} & & \\ & & \text{hoàn thành bàn} & + & \text{dở dang cuối kỳ} & & \\ & & \text{giao trong kỳ} & & \text{theo dự toán} & & \\ & & \text{theo dự toán} & & & & \end{array}$$

📌 Tài khoản sử dụng:

- TK 632: Giá vốn hàng bán
- TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang
- TK 156: Hàng hóa
- Các TK khác có liên quan....

📌 Chứng từ sử dụng:

- Phiếu chi
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu xuất kho (Mẫu 02 – VT)

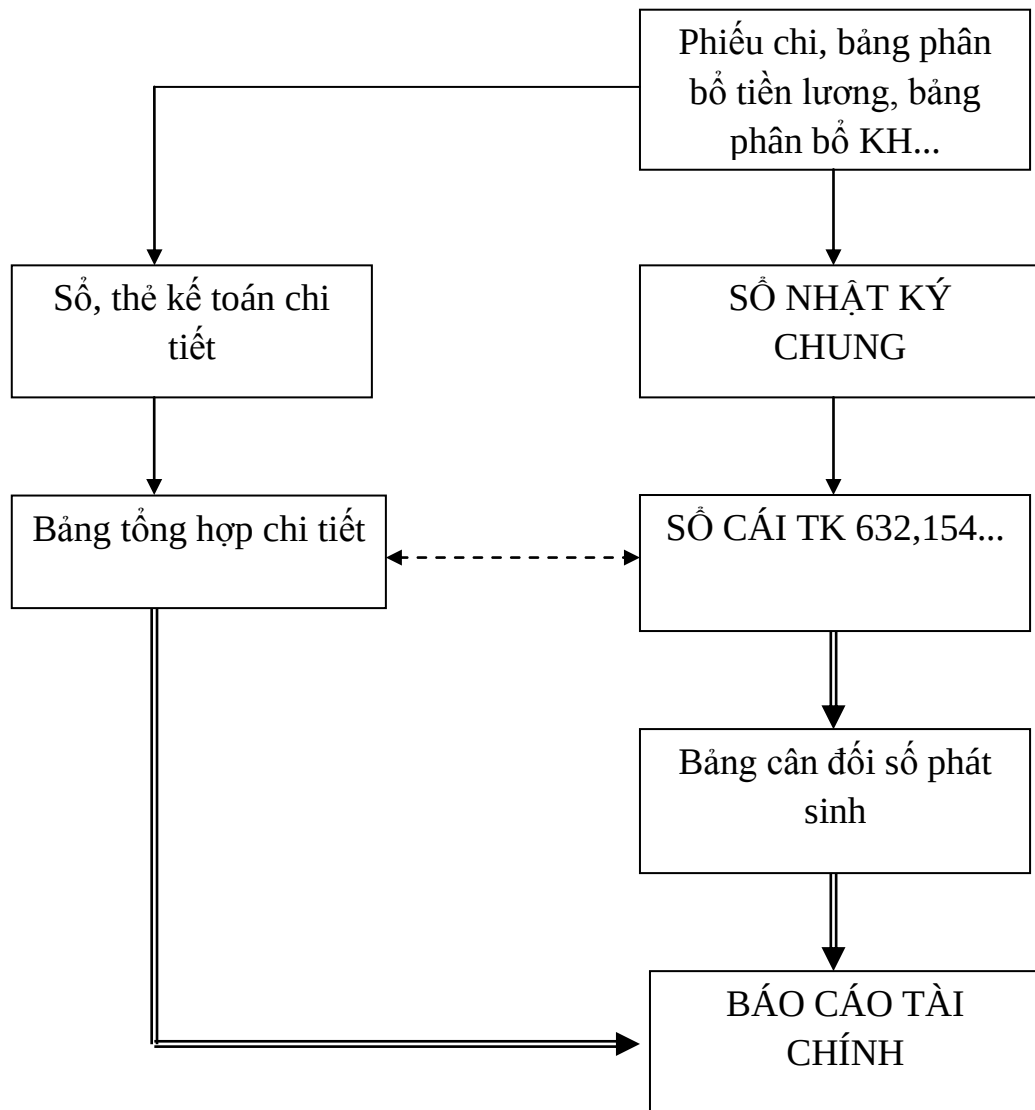
- Các chứng từ khác có liên quan....

+ Sổ sách sử dụng:

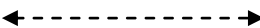
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 632,154....
- Trình tự hạch toán

+ Trình tự hạch toán giá vốn

Sơ đồ 2.6 : quy trình hạch toán giá vốn



Ghi chú:

- Ghi cuối kỳ: 
- Ghi hàng ngày: 
- Đối chiếu, kiểm tra: 

Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc như: Phiếu chi,... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung sau đó từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào các sổ cái các TK có liên quan.

Cuối kỳ kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau đó cuối cùng dựa vào Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

VD:

Tại dự án công trình “ Xưởng gia công kết cấu thép” vào quý 4 năm 2012. Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ tính như sau:

CPSX dở dang đầu kỳ = 180.654.025

CPSX phát sinh trong kỳ = 330.694.350

Giá thành khối lượng xây lắp hoàn thành bàn giao
trong kỳ theo dự toán = 415.879.830

Giá trị khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ theo dự toán = 130.254.395

Giá trị khối lượng xây lắp dở dang cuối kỳ = 124.350.150

Từ đó tính được giá thành của công trình trong quý. Cụ thể trong quý 4/2012 giá thành công trình là:

$$Z = 180.654.025 + 330.694.350 - 124.350.150 = 386.999.025$$

Biểu 2.11 : Bảng tính giá thành công trình “ Xưởng gia công kết cấu thép”

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH
 Công trình: Xưởng gia công kết cấu thép
 Quý 4/2012

STT	Tên công trình	Chi phí phát sinh trong kỳ				Cộng chi phí	Chi phí SXKD dở dang		Giá vốn
		CP NVLTT	CPNCTT	CP SXC	CP Máy thi công		Đầu kỳ	Cuối kỳ	
1	Gia công kết cấu thép	207.250.000	54.482.220	27.310.567	416.515.563	330.694.350	180.654.825	124.350.150	386.999.025
2			...	...		...	...	...	...

Người lập bảng
 (Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
 (Ký, họ tên)

Giám đốc
 (Ký, họ tên)

Nguồn: Phòng kế toán công ty Cổ phần xây dựng số 3

Biểu 2.12:

Công ty Cổ phần xây dựng số 3
195 Văn Cao – Hải An – Hải
Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng
BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

năm 2012

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
...	...	...				
22/12	HĐ 7330 5	22/12	Mua đá cho CT	152	44.252.726	
				133	4.425.273	
				331		48.677.999
						
31/12	BTGT Q4	31/12	Giá vốn công trình “xưởng gia công kết cấu thép” theo giai đoạn thực hiện	632	386.999.025	
				154		386.999.025
31/12	HĐ 36853	31/12	Bàn giao công trình xưởng gia công kết cấu thép theo giai đoạn thực hiện	131	444.225.388	
				511		403.841.262
				3331		40.384.126
						
31/12	PKT 63	31/12	Kết chuyển sang xác định kết quả kinh doanh	911	41.698.970.386	
				632		41.698.970.386
			Cộng phát sinh		256.078.251.439	256.078.251.439

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.13:

Mẫu số S03b-DN

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3
195 Văn Cao – Hải An – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 632

Tên tài khoản: giá vốn hàng bán

Quý 4 năm 2012

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
....						
25/12	BTGT Q4	25/12	Giá trị quyết toán hạng mục công trình: "Tường rào tuyến bờ mương" do thay đổi vị trí	154	90.455.550	
31/12	BTGT Q4	31/12	Bàn giao công trình "xưởng gia công kết cấu thép" theo giai đoạn thực hiện	154	386.999.025	
31/12	PKT 63	31/12	Kết chuyển sang xác định kết quả kinh doanh	911		41.698.970.386
			Cộng phát sinh		41.698.970.386	41.698.970.386
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.3. Kế toán chi phí bán hàng

Do Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp nên sản phẩm để có được sản phẩm hoàn thành và đưa vào sử dụng thì phải mất khoảng thời gian tương đối dài. Vì vậy khoản chi phí bán hàng của Công ty thường chiếm tỉ trọng nhỏ. Chi phí bán hàng tại Công ty bao gồm các loại chi phí sau: Chi phí tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp, các khoản trích theo lương phải trả cho nhân viên bên bộ phận bán hàng; chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho bộ phận bán hàng, chi phí dịch vụ mua ngoài...

Tài khoản sử dụng:

- TK 641: Chi phí bán hàng
- TK 111: Tiền mặt
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- Các TK khác có liên quan....

Chứng từ sử dụng:

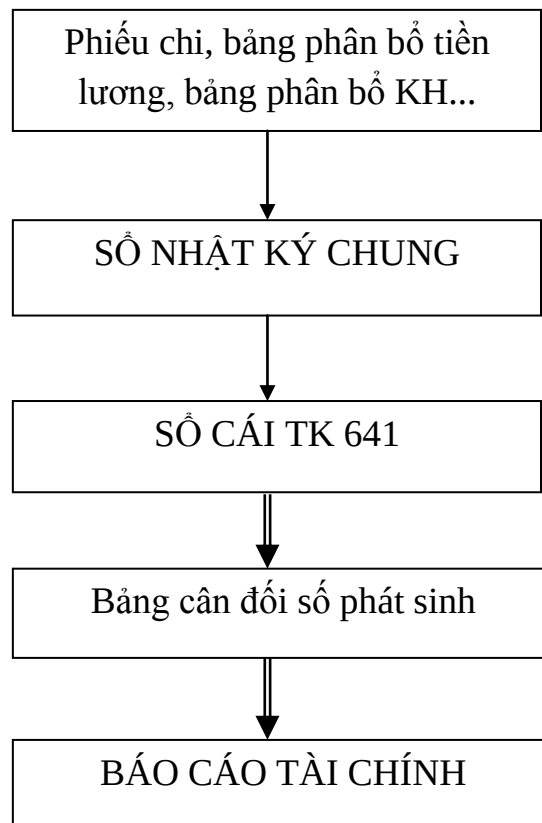
- Bảng tính lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bán hàng
- Bảng tính khấu hao TSCĐ
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan...

Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 641, 111, ...
- Các sổ sách khác có liên quan...

Trình tự hạch toán kế toán

Sơ đồ 2.7: Quy trình hạch toán chi phí bán hàng



Ghi chú:

- Ghi cuối kỳ: $\Longrightarrow$
- Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc như: hóa đơn GTGT, phiếu chi,... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung sau đó từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào các sổ cái có liên quan.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau đó cuối cùng dựa vào bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

VD:

Tình hình lương tháng 12 năm 2012 tại bộ phận bán hàng như sau:

Biểu số 2.14: Bảng tổng hợp thanh toán lương cho nhân viên

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3

Bộ phận: Bán hàng

BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP

Tháng 12 năm 2012

STT	Họ tên	Mức lương theo hợp đồng	Số công hưởng lương	Tiền lương và thu nhập được nhận			Khấu trừ lương	Tiền lương thực nhận	Ký nhận
				Lương thời gian	Phụ cấp ăn ca	Cộng			
1	Vũ Huy Du	2.500.000	26	2.500.000	260.000	2.760.000	175.000	2.585.000	
2	Lê Văn Vĩ	2.220.000	26	2.220.000	260.000	2.480.000	155.400	2.324.600	
3	Lê Thị Mên	2.100.000	26	2.100.000	260.000	2.360.000	147.000	2.213.000	
4	...	...	...	...	...	...	...	...	
	Tổng cộng	11.140.000	130	11.140.000	1.300.000	12.440.000	1.181.800	11.258.200	

Số tiền bằng chữ: Mười một triệu hai trăm năm tám nghìn hai trăm đồng chẵn.

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

- Dựa vào bảng tính phân bổ khấu hao máy móc, thiết bị quản lý tháng 12 năm 2012 kê toán tiến hành vào các sổ sách liên quan.

Biểu số 2.15: Bảng khấu hao máy móc thiết bị

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 2

Bộ phận: Bán hàng

BẢNG TÍNH KHẤU HAO MÁY MÓC THIẾT BỊ

Tháng 12/2012

Tên thiết bị	Thời gian đưa vào sử dụng	Nguyên giá	Thời gian khấu hao	Mức khấu hao tháng 12
Máy vi tính	3/5/2010	51.000.000	5	700.000
Máy điều hòa	12/3/2010	34.675.000	5	417.000
.....				
Tổng				3.520.000

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.16:

Công ty Cổ phần xây dựng số 3
195 Văn Cao – Hải An – Hải
Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng
BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

năm 2012

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
...	...	...				
24/12	PC 203	24/12	Tiền điện thoại tháng 12 bộ phận bán hàng	641	6.240.000	
				133	624.000	
				111		6.864.000
26/12	PC 204	26/12	Tiền điện lưới tháng 12 bộ phận bán hàng	641	4.500.000	
				133	450.000	
				111		4.950.000
31/12	BTKH Q4	31/12	Trích khấu hao TSCĐ	641	3.520.000	
				214		3.520.000
31/12	BTTL T12	31/12	Tiền lương bộ phận bán hàng	641	12.440.000	
				334		12.440.000
31/12	BTTL T12	31/12	Các khoản khấu trừ lương	334	1.181.800	
				338		1.181.800
31/12	PKT 63	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	185.902.957	
				641		185.902.957
						
			Cộng phát sinh		256.078.251.439	256.078.251.439

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.17:

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
SỐ 3**
195 Văn Cao – Hải An – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 641

Tên tài khoản: Chi phí bán hàng

Quý 4 năm 2012

Đơn vị tính :

đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
....						
24/12	PC 203	24/12	Tiền điện thoại tháng 12	111	6.240.000	
26/12	PC 207	26/12	Tiền điện lưới tháng 12	111	4.500.000	
31/12	BTKH Q4	31/12	Trích khấu hao TSCĐ	214	3.520.000	
31/12	BTTL T12	31/12	Tiền lương BP bán hàng	334	12.440.000	
31/12	PKT 63	31/12	KC chi phí bán hàng	911		185.902.957
			Cộng phát sinh		185.902.957	185.902.957
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm

2012

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.4. Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp.

Chi phí quản lý DN của Công ty thường chiếm tỷ trọng lớn trong khoản mục chi phí do Công ty hoạt động trong lĩnh vực xây lắp. Chi phí quản lý DN tại Công ty gồm các loại chi phí sau: Chi phí tiền lương, tiền công và các khoản phụ cấp, các khoản trích theo lương phải trả chi nhân viên bên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí khấu hao TSCĐ dùng trong bộ phận bán hàng, chi phí dịch vụ mua ngoài...

+ Tài khoản sử dụng:

- TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
- TK 111: Tiền mặt
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- Các TK khác có liên quan ...

+ Chứng từ sử dụng:

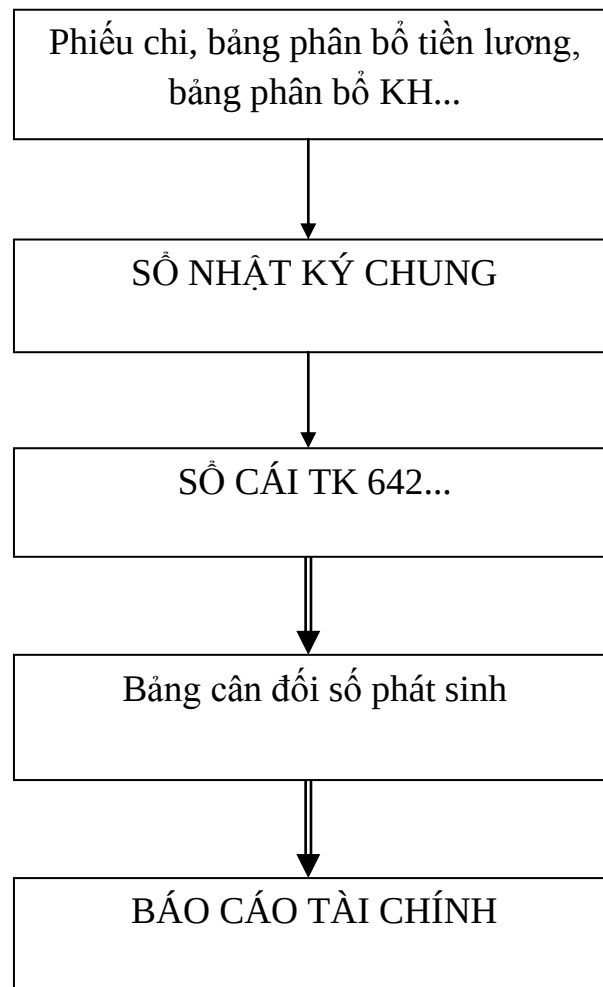
- Bảng tính lương và các khoản trích theo lương
- Bảng tính khấu hao TSCĐ
- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Các chứng từ khác có liên quan...

+ Sổ sách sử dụng:

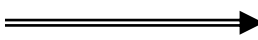
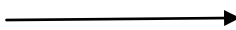
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 642, 111, ...
- Các sổ sách khác có liên quan...

+ Trình tự hạch toán kế toán:

Sơ đồ 2.8: Quy trình hạch toán chi phí bán hàng



Ghi chú:

- Ghi cuối kỳ: 
- Ghi hàng ngày: 

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc như: hóa đơn GTGT, phiếu chi... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung sau đó từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào các sổ cái có liên quan.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau đó cuối cùng dựa vào bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

VD:

Biểu 2.18: Bảng tổng hợp lương và các khoản phụ cấp

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3

Bộ phận: phòng tổ chức hành chính

BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN PHỤ CẤP

THÁNG 12/2012

STT	Họ tên	Mức lương theo hợp đồng	Số công hưởng lương	Tiền lương và thu nhập được nhận			Khấu trừ lương	Tiền lương thực nhận	Ký nhận
				Lương thời gian	Phụ cấp ăn ca	Cộng			
1	Nguyễn Hữu Hưng	4.500.000	26	4.500.000	260.000	4.760.000	315.000	4.445.000	
2	Nguyễn Hữu Trường	4.000.000	26	4.000.000	260.000	4.260.000	280.000	3.980.000	
3	Nguyễn Văn Biên	3.000.000	26	3.000.000	260.000	3.260.000	228.200	3.031.800	
4	Phùng Thị Hiên	3.000.000	26	3.000.000	260.000	3.260.000	228.200	3.031.800	
...	...	...	...	...	...	...	...	...	
	Tổng cộng	80.200.000	130	80.200.000	4.560.000	84.760.000	8.052.200	76.707.800	

Số tiền bằng chữ: Bảy sáu triệu bảy trăm linh bảy nghìn tám trăm đồng chẵn.

Người lập
(Ký, họ tên)

Kế toán
(Ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2012
Giám đốc
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngoài ra căn cứ vào hóa đơn, phiếu chi, công ty có phát sinh sau:

- Chi trả tiền cho công ty thông tin di động:

Nợ TK 642: 10.640.000

Nợ TK 133: 1.064.000

Có TK 111: 11.704.000

- Thanh toán tiền tiếp khách:

Nợ TK 642: 3.590.000

Có TK 111: 3.590.000

Biểu 2.19: Giấy đề nghị thanh toán

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
SỐ 3**

195 Văn Cao – Hải Phòng

Mẫu số: 05 - TT

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-
BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 24 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: Ban giám đốc công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Họ và tên người đề nghị thanh toán: Trần Bích Hợp

Bộ phận (hoặc địa chỉ): Phòng tổ chức hành chính

nội dung thanh toán: Thanh toán tiền điện thoại tháng 12

Số tiền: 10.640.000 (Viết bằng chữ): Mười triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc

Người đề nghị thanh toán

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người duyệt

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.20: Phiếu chi

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3
195 Văn Cao – Hải Phòng

Mẫu số: 02 - TT
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

*Ngày 24 tháng 12 năm
2012*

Số: 204
Nợ: 642
Nợ: 133
Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Trần Bích Hợp

Địa chỉ: Phòng tổ chức hành chính

Lý do chi: Thanh toán tiền điện thoại tháng 12

Số tiền: 10.640.000 (viết bằng chữ): Mười triệu sáu trăm bốn mươi nghìn
đồng chẵn.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc.

Ngày 24 tháng 12 năm 2012

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
--	---------------------------------------	--------------------------------	--	--

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Mười triệu sáu trăm bốn mươi
nghìn đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Biểu số 2.21: giấy đề nghị thanh toán

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3

195 Văn Cao – Hải Phòng

Mẫu số: 05 - TT

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC)

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

GIẤY ĐỀ NGHỊ THANH TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Kính gửi: Ban giám đốc công ty Cổ phần Xây dựng số 3

Họ và tên người đề nghị thanh toán: Trần Bích Hợp

Bộ phận (hoặc địa chỉ): Phòng tổ chức hành chính

nội dung thanh toán: Thanh toán tiền tiếp khách

Số tiền: 3.590.000 (Viết bằng chữ): ba triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc

Người đề nghị thanh toán

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người duyệt

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.22: phiếu chi

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
SỐ 3
195 Văn Cao – Hải Phòng**

Mẫu số: 02 - TT
(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ- BTC
Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số: 215

Nợ: 642

Có: 111

Họ và tên người nhận tiền: Trần Bích Hợp

Địa chỉ: Phòng tổ chức hành chính

Lý do chi: Thanh toán tiền tiếp khách

Số tiền: 3.590.000 (viết bằng chữ): Ba triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng chẵn.

Kèm theo: 1 chứng từ gốc.

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Giám đốc	Kế toán	Thủ	Người lập	Người nhận
(Ký, họ tên,	trưởng	quỹ	phiếu	tiền
đóng dấu)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Ba triệu năm trăm chín mươi nghìn đồng chẵn

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Biểu 2.24:

Công ty Cổ phần xây dựng số 3
195 Văn Cao – Hải An – Hải
Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng
BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

năm 2012

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
...	...	...				
24/12	PC 204	24/12	Tiền điện thoại tháng 12	642	10.640.000	
				133	1.064.000	
				111		11.704.000
26/12	PC 209	26/12	Tiền điện lưới tháng 12	642	5.560.000	
				133	556.000	
				111		6.116.000
31/12	BTKH Q4	31/12	Trích khấu hao TSCĐ	642	5.670.000	
				214		5.670.000
31/12	BTTL T12	31/12	Tiền lương bộ phận quản lý doanh nghiệp	642	84.760.000	
				334		84.760.000
31/12	BTTL T12	31/12	Các khoản khấu trừ lương	334	8.052.200	
				338		8.052.200
31/12	PC 215	31/12	Thanh toán tiền tiếp khách	642	3.590.000	
				111		3.590.000
31/12/	PKT 63	31/12	Kết chuyển chi phí bán hàng	911	5.588.411.359	
				642		5.588.411.359
						
			Cộng phát sinh		256.078.251.439	256.078.251.439

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.25:

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
SỐ 3**
195 Văn Cao – Hải An – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 642

Tên tài khoản: Chi phí quản lý doanh nghiệp

Quý 4 năm 2012

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
....						
24/12	PC 204	24/12	Tiền điện thoại tháng 12	111	10.640.000	
26/12	PC 209	26/12	Tiền điện tháng 12	111	5.560.000	
31/12	BTKH Q4	31/12	Trích khấu hao TSCĐ	214	5.670.000	
31/12	BTTL T12	31/12	Tiền lương BP bán hàng	334	84.760.000	
31/12	PC 215	31/12	Thanh toán tiền tiếp khách	111	3.590.000	
31/12	PKT 63	31/12	KC chi phí bán hàng	911		5.588.411.359
			Cộng phát sinh		5.588.411.359	5.588.411.359
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.5. Kế toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính.

2.2.5.1. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.

Công ty kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp nên doanh thu từ hoạt động tài chính của Công ty gồm lãi tiền gửi, tiền cho vay. Các khoản lãi này được các ngân hàng Công ty mở tài khoản giao dịch gửi báo Có vào cuối mỗi tháng.

Tài khoản sử dụng:

- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 111: Tiền mặt
- Các TK khác có liên quan...

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Giấy báo Có
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.5.2. Kế toán chi phí hoạt động tài chính.

Chi phí hoạt động tài chính của Công ty gồm các khoản lỗ về đầu tư tài chính, các khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ, lãi vay phải trả... Các khoản lãi này được các ngân hàng Công ty mở tài khoản giao dịch gửi báo Nợ vào cuối mỗi tháng.

Tài khoản sử dụng:

- TK 635: Chi phí hoạt động tài chính
- TK 112: Tiền gửi ngân hàng
- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- Các TK khác có liên quan...

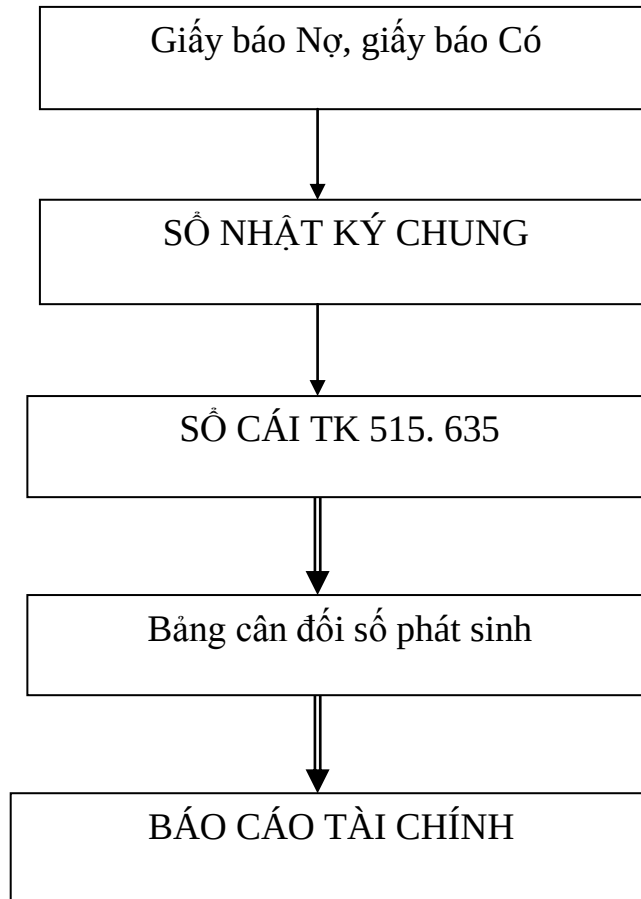
Chứng từ kế toán sử dụng:

- Giấy báo Nợ
- Phiếu chi
- Phiếu kế toán

- Các chứng từ khác có liên quan...

2.2.5.3. Trình tự hạch toán kế toán.

Sơ đồ 2.9: quy trình hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động tài chính



Ghi chú:

- Ghi cuối kỳ: $\Longrightarrow$
- Ghi hàng ngày: $\longrightarrow$

Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc như: giấy báo Nợ, giấy báo Có... Kế toán ghi vào sổ nhật ký chung sau đó từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào các sổ liên quan.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau đó cuối cùng dựa vào Bảng cân đối số phát sinh lập Báo cáo tài chính.

VD1:

Ngày 31/12/2012 Công ty Cổ phần xây dựng số 3 HP nhận được tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng Quốc tế - VIBank.

Căn cứ vào giấy báo Có số 1276 (biểu) ngày 31/12/2012 và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 112: 4.110.500

Có TK 515: 4.110.500

VD2:

Ngày 31/12/2012 công ty Cổ phần xây dựng số 3 HP nhận trả lãi tiền vay từ tiền gửi ngân hàng Quốc tế - VIBank.

Căn cứ vào giấy báo Nợ số 1537 (biểu) ngày 31/12/2012 và các chứng từ khác có liên quan, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

Nợ TK 635: 9.125.500

Có TK 112: 9.125.500

Biểu số 2.26: Giấy báo có

VIB	GIẤY BÁO CÓ CREDIT ADVICE	Số (Sep.No./Ref No.) 0101100513013 Ngày (date) 31/12/2012 Giờ (time) 09:31:15 AM Số giao dịch: 1276
	chi nhánh (Branch name): CHI NHÁNH HẢI PHÒNG	
	Mã số thuế (Branch VAT code): 0100233488	
	Client No	
Số tài khoản: 016704060011828		
RB A/C No		
Tên tài khoản: CTY CP XÂY DỰNG SỐ 3 HP		
RB A/C Name		
Nội dung: Nhận được tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng Quốc tế - VIBank.		
Narrative/Description		
Tên và địa chỉ người chuyển		
Ordering Name and address		
Số tiền bằng chữ (credit amount in words): Bốn triệu một trăm mười nghìn năm trăm đồng chẵn.		
Số tiền (credit amount in figures & ccy code) VND : 4.110.500		
GIAO DỊCH VIÊN/NV NGHIỆP VỤ User ID GDVC 16587		KIỂM SOÁT Override user ID KSV 20616

Biểu số 2.27: Giấy báo nợ

VIB	GIẤY BÁO NỢ	Số (Sep.No./Ref No.)
	DEBIT ADVICE	BTVL 58/24
		Ngày (date) 31/12/2012
		Giờ (time) 08:15:20 AM
		Số giao dịch: 1537

chi nhánh (Branch name): CHI NHÁNH HẢI PHÒNG

mã số thuế (Branch VAT code): 0100233488

mã số khách hàng: 00244837

Client No

Số tài khoản: 016704060011828

RB A/C No

Tên tài khoản: CTY CP XÂY DỰNG SỐ 3 HP

RB A/C Name

Nội dung: Công ty Cổ phần xây dựng số 3 HP nhận trả tiền lãi vay.

Narrative/Description

Số tiền bằng chữ (credit amount in words): Chín triệu một trăm hai năm nghìn đồng chẵn.

Số tiền (credit amount in figures & ccy code) VND : 9.125.000

GIAO DỊCH VIÊN/NV NGHIỆP VỤ
User ID BTVL 5882

KIỂM SOÁT
Override user ID

Biểu 2.28:

Công ty Cổ phần xây dựng số 3
195 Văn Cao – Hải An – Hải
Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng
BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

năm 2012

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
...	...	...				
31/12	BC 1276	31/12	Nhận được tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng Quốc Tế - VIBANK	112	4.110.500	
				515		4.110.500
31/12	BN 1537	31/12	Công ty Cổ phần xây dựng số 3 nhận trả lãi tiền vay	635	9.125.500	
				112		9.125.500
						
31/12	PKT 64	31/12	KC doanh thu hoạt động tài chính	515	12.352.110.538	
				911		12.352.110.538
31/12	PKT 63	31/12	KC chi phí hoạt động tài chính	911	108.700.520	
				635		108.700.520
						
			Cộng phát sinh		256.078.251.439	256.078.251.439

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.29:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
SỐ 3
 195 Văn Cao – Hải An – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số
 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 515

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Quý 4 năm 2012

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
....						
28/12	BC 1170	28/12	Ngân hàng Hàng Hải trả lãi tiền gửi	112		3.030.490
31/12	BC 1276	31/12	Nhận được tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng Quốc Tế - VIBANK	112		4.110.500
31/12	PKT 64	31/12	KC doanh thu hoạt động tài chính	911	12.352.110.538	
			Cộng phát sinh		12.352.110.538	12.352.110.538
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.30:

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
SỐ 3**
195 Văn Cao – Hải An – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo QĐ số
15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 635

Tên tài khoản: Chi phí tài chính

Quý 4 năm 2012

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng g ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệ u TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
....						
28/12	BN 1502	28/1 2	Trả lãi tiền vay ngân hàng Hàng Hải	112	5.173.200	
31/12	BN 1537	31/12	Công ty Cổ phần xây dựng số 3 nhận trả lãi tiền vay	112	9.125.500	
31/12	PKT 63	31/1 2	KC doanh thu hoạt động tài chính	911		108.700.520
			Cộng phát sinh		108.700.520	108.700.520
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.6. Kế toán hoạt động khác

Thu nhập khác là các khoản thu từ hoạt động xảy ra không thường xuyên ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu của DN. Những khoản thu nhập khác có thể do chủ quan của DN hay khách quan đưa lại, gồm doanh thu nhượng bán vật tư, bán vật liệu xây dựng là bê tông thương phẩm,... được xác định theo giá trị sản phẩm xuất bán, được khách hàng xác nhận bằng biên bản nghiệm thu, đã phát hành hóa đơn và được khách hàng chấp nhận thanh toán, phù hợp với 5 điều kiện ghi nhận doanh thu quy định tại Chuẩn mực kế toán số 14 – “Doanh thu và thu nhập khác”.

Chi phí khác là các khoản chi phí của các hoạt động ngoài hoạt động SXKD tạo ra doanh thu của doanh nghiệp. Chi phí khác bao gồm: Chi phí thanh lý nhượng bán TSCĐ; các khoản tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế; giá trị còn lại hoặc giá bán hoặc giá trị hợp lý của TSCĐ bán để thuê lại theo phương thức thuê tài chính hoặc thuê hoạt động; khoản bị phạt thuế, truy nộp thuế; các khoản chi phí khác;....

Tài khoản sử dụng:

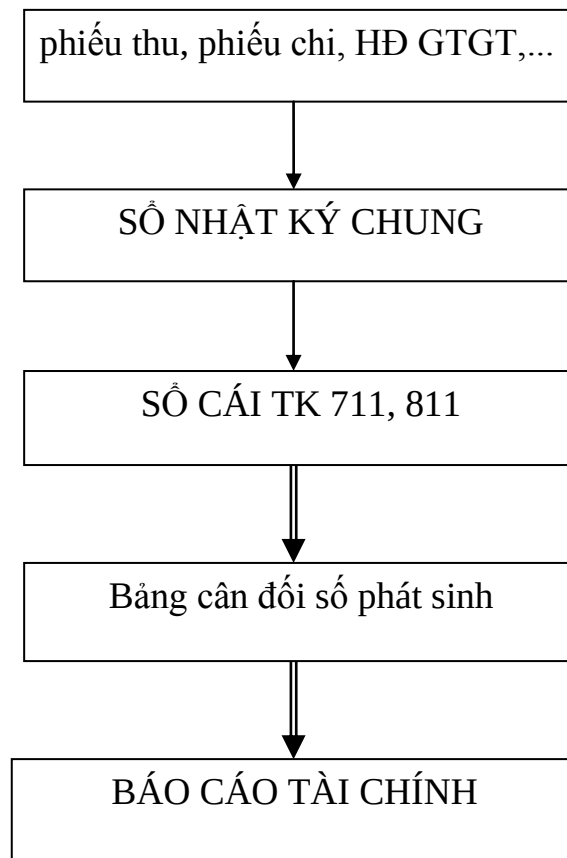
- TK 711: Thu nhập khác
- TK 811: Chi phí khác
- TK 111: Tiền mặt
- TK 112,131,331,...
- Các TK khác có liên quan....

Chứng từ kế toán sử dụng:

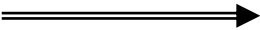
- Phiếu thu, phiếu chi, HĐ GTGT
- Phiếu kế toán
- Các chứng từ khác có liên quan...

Trình tự hạch toán kế toán.

Sơ đồ 2.10: Quy trình hạch toán doanh thu, chi phí khác.



Ghi chú:

- Ghi cuối kỳ: 
- Ghi cuối ngày: 

Hằng ngày, căn cứ vào các chứng từ gốc như: Phiếu chi, phiếu thu,... kế toán ghi vào sổ nhật ký chung, sau đó từ sổ nhật ký chung kế toán ghi vào các sổ cái có liên quan.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập bảng cân đối số phát sinh. Sau đó kế toán dựa vào bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

VD:

Tháng 12 thu nhượng bán thanh lý TSCĐ : 1.439.803.814đ

Nợ TK 111: 1.439.803.814

Có TK 711: 1.308.912.558

Có TK 3331:130.891.256

Biểu số 2.31: Phiếu thu

**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
SỐ 3**

195 Văn Cao – Hải Phòng

Mẫu số: 01 - TT

(Ban hành theo QĐ số: 15/2006/QĐ-
BTC)

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Số: 237

*Ngày 25 tháng 12 năm
2012*

Nợ: 111

Có: 711

Có : 3331

Họ và tên người nộp tiền: Ngô Văn Đàm

Địa chỉ: Công ty TNHH Sao Mai

Lý do nộp: thu nhượng bán thanh lý TSCĐ

Số tiền: 245.461.714 (Viết bằng chữ): Hai trăm bốn năm triệu bốn trăm sáu một nghìn bảy trăm mười bốn đồng chẵn.

Kèm theo: 1 Chứng từ gốc.

Ngày 25 tháng 12 năm 2012

Giám đốc	Kế toán	Người nộp	Người lập	Thủ quỹ
(Ký, họ tên, đóng dấu)	trưởng (Ký, họ tên)	tiền (Ký, họ tên)	phiếu (Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Một tỷ bốn trăm ba chín triệu tám trăm linh ba nghìn tám trăm mười bốn đồng chẵn.

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng, bạc, đá quý):

+ Số tiền quy đổi:

Biểu 2.32:

Công ty Cổ phần xây dựng số 3
195 Văn Cao – Hải An – Hải
Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-
BTC ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng
BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

năm 2012

Đơn vị tính :

đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
...	...	...				
25/12	PT 237	25/12	Thu nhượng bán thanh lý TSCĐ T12	111	245.461.714	
				711		223.147.013
				3331		22.314.701
						
31/12	BC 1276	31/12	Nhận được tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng Quốc Tế - VIBANK	112	4.110.500	
				515		4.110.500
31/12	BN 1537	31/12	Công ty Cổ phần xây dựng số 3 nhận trả lãi tiền vay	635	9.125.500	
				112		9.125.500
						
31/12	PKT 64	31/12	KC thu nhập khác	711	987.683.171	
				911		987.683.171
						
			Cộng phát sinh		256.078.251.439	256.078.251.439

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.33:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
SỐ 3
 195 Văn Cao – Hải An – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN
 (Ban hành theo QĐ số
 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006
 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 711

Tên tài khoản: Thu nhập khác

Quý 4 năm 2012

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
....						
25/12	PT 237	25/12	Thu nhượng bán thanh lý TSCĐ T12	111		223.147.013
						
31/12	PT 241	31/12	Thu thanh lý nhượng bán phế liệu	111		129.254.200
31/12	PKT 64	31/12	KC thu nhập khác	911	987.683.171	
			Cộng phát sinh		987.683.171	987.683.171
			Số dư cuối kỳ		-	-

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

2.2.7. Xác định kết quả kinh doanh.

Do đặc điểm hoạt động xây dựng các công trình, hạng mục công trình được chia ra thành nhiều giai đoạn thực hiện nên việc xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cũng được xác định theo từng giai đoạn hoàn thành của từng công trình mà Công ty tham gia thi công.

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Kết quả từ} & & \text{Tổng} & & \text{Giá vốn} & & \text{CPBH và} \\ \text{hoạt động} & = & \text{DTT về} & & \text{hàng} & & \text{CP QLDN} \\ \text{kinh doanh} & & \text{bán hàng} & - & \text{bán} & - & \end{array}$$

Trong đó: Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu.

Kết quả hoạt động tài chính là kết quả được tính bằng chênh lệch giữa doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

$$\text{Kết quả HĐTC} = \text{DT hoạt động TC} - \text{CP hoạt động TC}$$

Kết quả hoạt động khác là kết quả được tính bằng chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

$$\text{Kết quả hoạt động khác} = \text{Thu nhập khác} - \text{Chi phí khác.}$$

Tài khoản sử dụng:

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- Các TK khác có liên quan...

Chứng từ kế toán sử dụng:

- Phiếu kế toán
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 911, 821, ...

Phương pháp hạch toán:

Cuối quý, kế toán tiến hành xác định kết quả kinh doanh của từng công trình, hạng mục công trình theo từng giai đoạn thực hiện và tổng hợp kết quả kinh doanh trong một quý của cả Công ty. Sau khi kế toán tập hợp toàn bộ các số

liệu về doanh thu, chi phí theo từng giai đoạn thực hiện của công trình, kế toán tiến hành thực hiện các bút toán kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh. Đồng thời, kế toán tiến hành vào Sổ nhật ký chung các bút toán kết chuyển cuối quý, lập Sổ chi tiết tài khoản 911 để phản ánh các bút toán kết chuyển cuối kỳ để xác định kết quả kinh doanh của từng công trình, hạng mục công trình theo từng giai đoạn thực hiện và lập Sổ cái tài khoản 911 để tổng hợp kết quả kinh doanh của cả Công ty trong một quý

VD:

Cuối tháng 12, Công ty Cổ phần xây dựng số 3 HP xác định kết quả kinh doanh của cả năm.

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:	61.667.991.816
Các khoản giảm trừ doanh thu:	2.384.486.243
Doanh thu hoạt động tài chính:	12.352.110.538
Giá vốn hàng bán:	41.698.970.386
Chi phí hoạt động tài chính:	108.700.520
Chi phí bán hàng:	185.902.957
Chi phí quản lý doanh nghiệp:	5.588.411.359
Thu nhập khác:	987.683.171

$$\begin{aligned} \text{KQKD} &= 61.667.991.816 - 2.384.486.243 - 41.698.970.386 + \\ &12.352.110.538 - 108.700.520 - 185.902.957 - 5.588.411.359 + 987.683.171 \\ &= 25.041.314.060 > 0 \end{aligned}$$

Kết quả kinh doanh > 0 : lãi

Thuế TNDN phải nộp $= 25.041.314.060 * 25\% = 6.260.328.515$

Lợi nhuận sau thuế $= 25.041.314.060 - 6.260.328.515 = 18.780.985.545$

Sau khi xác định lãi kế toán tổng hợp kết chuyển lãi sang TK 421 – Lợi nhuận chưa phân phối.

Cuối kỳ, tập hợp các số liệu từ sổ sách liên quan, kế toán lập phiếu kế toán.

Sau đó, căn cứ vào phiếu kế toán đã lập, kế toán ghi vào sổ kế toán theo định khoản sau:

- Nợ TK 511	: 2.384.486.243
Có TK 521	: 2.384.486.243
- Nợ TK 511	: 59.283.505.573
Nợ TK 515	: 12.352.110.538
Nợ TK 711	: 987.683.171
Có TK 911	: 72.623.299.282
- Nợ TK 911	: 47.581.985.222
Có TK 632	: 41.698.970.386
Có TK 635	: 108.700.520
Có TK 641	: 185.902.957
Có TK 642	: 5.588.411.359
- Nợ TK 821	: 6.260.328.515
Có TK 3334	: 6.260.328.515
- Nợ TK 911	: 6.260.328.515
Có TK 821	: 6.260.328.515
- Nợ 911	: 18.780.985.545
Có 421	: 18.780.985.545

Kế toán vào sổ nhật ký chung (biểu), sau đó dựa vào số liệu NKC kế toán vào sổ cái TK 911(Biểu), sổ cái TK 821, Sổ cái TK 421.

Cuối kỳ, kế toán tổng hợp các số liệu từ sổ cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Sau đó cuối cùng dựa vào Bảng cân đối số phát sinh để lập Báo cáo tài chính.

Biểu 2.34:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3

195 Văn Cao – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 62

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	KC các khoản giảm trừ doanh thu	511	532	2.384.486.243
	Tổng			2.384.486.243

Biểu 2.35:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3

195 Văn Cao – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 63

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Giá vốn hàng bán	911	632	41.698.970.386
2	Chi phí quản lý DN	911	642	5.588.411.359
3	Chi phí bán hàng	911	641	185.902.957
4	Chi phí tài chính	911	635	108.700.520
5	Chi phí thuế TNDN	911	821	6.260.328.515
6	Lợi nhuận sau thuế	911	421	18.780.985.545
	Tổng			72.623.299.282

Biểu 2.36:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3

195 Văn Cao – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 64

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	59.283.505.573
2	Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	12.352.110.538
3	Thu nhập khác	711	911	987.683.171
	Tổng			72.623.299.282

Biểu 2.37:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3

195 Văn Cao – Hải An – Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Số 65

STT	Nội dung	TK nợ	TK có	Số tiền
1	Chi phí thuế TNDN hiện hành	821	3334	6.260.328.515
	Tổng			6.260.328.515

Biểu 2.38:

Công ty Cổ phần xây dựng số 3
195 Văn Cao – Hải An – Hải Phòng

Mẫu số S03a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

năm 2012

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
...	...	...				
31/12	PKT 62	31/12	KC các khoản giảm trừ doanh thu	511	2.384.486.243	
				521		2.384.486.243
31/12	PKT 64	31/12	KC các khoản doanh thu	511	59.283.505.573	
				515	12.352.110.538	
				711	987.683.171	
				911		72.623.299.282
31/12	PKT 63	31/12	KC các khoản chi phí	911	47.581.985.222	
				632		41.698.970.386
				635		108.700.520
				641		185.902.957
				642		5.588.411.359
31/12	PKT 65	31/12	Chi phí thuế TNDN hiện hành	821	6.260.328.515	
				3334		6.260.328.515
31/12	PKT 63	31/12	KC chi phí thuế TNDN hiện hành	911	6.260.328.515	
				821		6.260.328.515
31/12	PKT 63	31/12	Lợi nhuận sau thuế	911	18.780.985.545	
				421		18.780.985.545
						
			Cộng phát sinh		256.078.251.439	256.078.251.439

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.39:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3

195 Văn Cao – Hải An – Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Số hiệu TK: 911

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Quý 4 năm 2012

Đơn vị tính : đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		-	-
....						
31/12	PKT 64	31/12	KC các khoản doanh thu	511		59.283.505.573
				515		12.352.110.538
				711		987.683.171
31/12	PKT 63	31/12	KC các khoản chi phí	632	41.698.970.386	
				635	108.700.520	
				641	185.902.957	
				642	5.588.411.359	
31/12	PKT 63	31/12	KC chi phí thuế TNDN	821	6.260.328.515	
31/12	PKT 63	31/12	Lợi nhuận sau thuế	421	18.780.985.545	
						
			Cộng số phát sinh		72.623.299.282	72.623.299.282
			Số dư cuối kỳ			

Ngày 31 tháng 12 năm 2012

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu 2.40:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Năm 2012

Người nộp thuế: Công ty Cổ phần xây dựng số 3 HP

Mã số thuế: 0200509429

Địa chỉ trụ sở: 195 ăn Cao – Hải An – Hải Phòng

Điện thoại: 0313.849481

Fax: 0313.840314

Email: ctxaydung3@hn.vnn.vn

ĐVT: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	NĂM NAY	NĂM TRƯỚC
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	Vl.25	61.667.991.816	38.710.816.298
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.384.486.243	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (01-02)	10		59.283.505.573	38.710.816.298
4. giá vốn hàng bán	11	Vl.27	41.698.970.386	31.955.933.440
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10-11)	20		17.584.535.187	6.754.882.858
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	Vl.26	12.352.110.538	26.621.338.861
6. Chi phí tài chính	22	Vl.28	108.700.520	1.212.150.035
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		98.594.676	321.635.429
8. Chi phí bán hàng	24		185.902.957	180.167.778
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		5.588.411.359	564.002.891
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [20+(21-22)-25-25]	30		24.053.630.889	31.419.901.015
11. Thu nhập khác	31		987.683.171	871.848.710
12. Chi phí khác	32			36.306.000
13. Lợi nhuận khác (31-32)	40		987.683.171	835.542.710
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (30+40)	50		25.041.314.060	32.255.443.725
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	Vl.30	6.260.328.515	4.455.207.373
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (50-51-52)	60		18.780.985.545	27.693.622.865

Lập ngày 15 tháng 01 năm 2013

Người lập biểu
(Ký ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, ghi rõ họ tên)

Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ BIỆN PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN TẬP HỢP CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SỐ 3 HẢI PHÒNG

3.1. Định hướng phát triển của Công ty Cổ phần xây dựng số 3 Hải Phòng trong thời gian tới

Trong điều kiện nền kinh tế nước ta hiện nay có nhiều biến động phức tạp, tìm được hướng đi đúng đắn, đảm bảo làm ăn kinh doanh có hiệu quả, có lãi, tự chủ về tài chính là điều kiện tồn tại của tất cả các doanh nghiệp. Trải qua gần hai mươi năm từ khi thành lập đi vào hoạt động đến nay, Công ty đã có nhiều cố gắng và nỗ lực nhất định trong điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Để hoạt động sản xuất của Công ty ngày càng đạt hiệu quả cao, thu được nhiều lợi nhuận, Công ty đã tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, phân công nhiệm vụ rõ ràng, các phòng ban nghiệp vụ có nhiệm vụ giúp Ban Giám đốc trong việc giám sát sản xuất, quản lý công việc hợp lý, phù hợp với điều kiện của Công ty.

Công ty cổ phần xây dựng số 3 Hải Phòng hiện nay không ngừng phát triển cả về chiều rộng và chiều sâu. Trong quản lý lao động, Công ty có chế độ động viên, khuyến khích đối với lao động có tay nghề cao, tạo điều kiện cho cán bộ công nhân viên học tập để nâng cao trình độ. Đó là kết quả lao động bền bỉ trong nhiều năm của tập thể của cán bộ công nhân viên toàn Công ty.

Song song với quá trình lớn mạnh của Công ty, bộ máy kế toán của Công ty cũng ngày càng khẳng định được vị trí quan trọng không thể thiếu được, là một trong những công cụ then chốt của hệ thống quản lý doanh nghiệp.

Bộ máy kế toán được tổ chức tương đối chặt chẽ với các nhân viên có năng lực, trình độ, nhiệt tình, trung thực, có tinh thần trách nhiệm cao. Bên cạnh đó còn xây dựng được hệ thống sổ sách kế toán, phương pháp hạch toán một cách khoa học, rõ ràng tạo ra sự hiệu quả trong công việc đồng thời phân chia trách nhiệm, quyền hạn của từng nhân viên trong Công ty tránh trùng lặp trong công tác kế toán.

Với sự phát triển của công nghệ thông tin toàn cầu, là một doanh nghiệp sản xuất, Công ty luôn phải nắm bắt được những thông tin phản hồi của khách hàng. Qua đó, Công ty đã trang bị cơ sở vật chất kỹ thuật hiện đại, sử dụng internet nối mạng với các chi nhánh ... Do đó, tiết kiệm được chi phí, giảm đáng kể khối lượng công việc nhằm mang lại hiệu quả cao.

Với những thành quả đã đạt được trong gần hai mươi năm qua, Công ty đã khẳng định được vị thế của mình trên thị trường bằng các sản phẩm xây dựng có chất lượng cao, thiết kế đẹp, giá thành hạ. Sự nhạy bén, linh hoạt trong công tác quản lý kinh tế đã giúp công ty từng bước hoà nhập với nhịp điệu phát triển kinh tế đất nước, chủ động trong sản xuất kinh doanh, tìm kiếm thị trường làm tăng lợi nhuận để tái sản xuất mở rộng, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cán bộ, công nhân viên trong toàn Công ty.

3.1.1 Kết quả đạt được của Công ty.

Công ty cổ phần xây dựng số 3 HP là một doanh nghiệp đã hoạt động được gần hai mươi năm và kể từ khi cổ phần hóa chuyển đổi loại hình doanh nghiệp, Công ty đã trải qua nhiều khó khăn, trở ngại. Trong nền kinh tế thị trường cạnh tranh mạnh mẽ với sự nỗ lực của doanh nghiệp, cùng với sự giúp đỡ của các đơn vị cơ quan hữu quan, công ty đã đứng vững vượt qua những thử thách và không ngừng phát triển lớn mạnh cả về quy mô lẫn chất lượng sản xuất sản phẩm xây lắp và khẳng định được vị trí vai trò của mình trên thị trường xây lắp cả nước nói chung và thị trường xây lắp tại Hải Phòng nói riêng. Công ty đã khẳng định vị trí của mình trên thị trường bằng các sản phẩm xây lắp chất lượng cao, thiết kế đẹp, giá thành hạ. Sự nhạy bén linh hoạt

trong công tác quản lý kinh tế đã giúp Công ty hòa nhập bước đi của mình với nhịp điệu phát triển của đất nước hoàn thành nhiệm vụ cấp trên giao, chủ động trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Trong thời gian tới để giữ hoạt động kinh doanh ổn định và phát triển, Công ty đã đề ra những định hướng cho hoạt động SXKD như sau:

- Xây dựng chiến lược phát triển Công ty để thực hiện mục tiêu là một trong những doanh nghiệp mạnh trong ngành xây dựng hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.

- Thực hiện tốt công tác nghiệm thu, quyết toán, thu hồi vốn ở các công trình xây lắp nhận thầu và các dự án do Công ty làm chủ đầu tư, không để tồn đọng vốn, áp dụng đúng chế độ chính sách của Nhà nước với chủ đầu tư trong khi thanh quyết toán.

- Tăng cường công tác chỉ đạo tập trung đẩy nhanh tiến độ thi công tại các dự án trọng điểm, điều phối cán bộ kết hợp với các đơn vị thi công đẩy nhanh công tác lập hồ sơ nghiệm thu, thanh toán.

3.1.2. Về công tác kế toán Công ty nói chung.

Hình thức tổ chức bộ máy kế toán tập trung của Công ty có ưu điểm là đảm bảo sự tập trung, thống nhất

Cơ cấu tổ chức gọn nhẹ, hợp lý, hoạt động nề nếp. Mọi công việc hạch toán đều có sự phân công công việc một cách hợp lý, khoa học, rõ ràng không bị chồng chéo công việc, cùng với đó là ý thức trách nhiệm trình độ chuyên môn vững vàng của nhân viên kế toán đã phát huy tốt vai trò của mình, xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh một cách nhanh chóng, chính xác và cung cấp thông tin kịp thời cho nhà quản lý, chủ đầu tư, khách hàng...

Phương pháp tính toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận liên quan cũng như các nội dung của công tác kế toán đều đảm bảo tính thống nhất về phạm vi.

❖ ***Về hình thức kế toán áp dụng tại Công ty***

Công ty áp dụng hình thức kế toán “ NHẬT KÝ CHUNG” là hình thức ghi sổ kế toán phổ biến với những ưu điểm: khoa học, dễ hiểu, dễ làm, phù hợp với năng lực kế toán ở mọi trình độ, dễ phân công lao động trong phòng Kế toán. Và hình thức này phù hợp với thực tế tổ chức sản xuất xây lắp tại Công ty.

Việc áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung với kết cấu sổ đơn giản mà vẫn đảm bảo độ tin cậy về thông tin kinh tế cung cấp cho các nhà quản lý. Công ty áp dụng phần mềm kế toán nên giúp cho kế toán viên giảm nhẹ khối lượng công việc đồng thời nâng cao hiệu quả công tác hạch toán kế toán.

❖ ***Về chứng từ và sổ sách sử dụng***

Hiện nay, Công ty sử dụng hệ thống chứng từ do Bộ Tài Chính quy định, ngoài ra Công ty còn chú trọng tới việc lập hệ thống sổ chi tiết nhằm cung cấp đầy đủ thông tin cho người quản lý, tạo điều kiện cho việc tổng hợp kế toán cuối kỳ và lập báo cáo giá thành.

Công ty luôn chấp hành các chế độ, chính sách kế toán tài chính do Nhà nước ban hành.

3.1.3. Hạn chế và nguyên nhân.

Trong giai đoạn hiện nay, thị trường luôn biến đổi kèm theo sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp, do đó công tác hạch toán kế toán chi phí xây lắp và giá thành xây lắp nói chung không thể tránh khỏi những tồn tại cần được nghiên cứu và tiếp tục hoàn thiện.

Trong các công trình, hạng mục công trình xây dựng thì chi phí nguyên vật liệu chiếm khoảng 70% - 80% tổng chi phí mà trên thị trường hiện nay

đơn giá nguyên vật liệu luôn có sự biến động, thay đổi liên tục, đơn giá thực tế tăng cao so với định mức được chủ đầu tư phê duyệt làm cho chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tăng lên dẫn đến giá thành xây lắp tăng lên.

Các thủ kho không dùng thẻ kho để theo dõi tình hình nhập, xuất, tồn vật liệu mà theo dõi bằng sổ tay. Điều này cho thấy việc theo dõi này không khoa học, không chặt chẽ.

Hiện nay, Công ty đã phân loại ra chi phí tiền lương cho các công trình, hạng mục công trình bao gồm công nhân chính trong Công ty, công nhân được Công ty ký hợp đồng lao động và lao động thuê ngoài thông qua hình thức giao khoán, lao động thời vụ nhưng khi hạch toán đưa chung vào TK 334 mà không mở các tài khoản chi tiết điều này sẽ gây khó khăn cho việc phân tích chi phí sử dụng lao động.

Hiện nay, công tác hạch toán kế toán tại Công ty cổ phần xây dựng số 3 Hải Phòng được thực hiện thủ công. Công ty chưa áp dụng hình thức hạch toán kế toán các phần hành bằng kế toán máy là tiến hành đi mua bản quyền để sử dụng phần mềm kế toán. Chính vì vậy đã ảnh hưởng rất lớn đến công tác kế toán, hiệu quả sản xuất kinh doanh, làm giảm đi sự nhanh chóng, chính xác, đảm bảo thông tin kịp thời cho Ban Lãnh đạo trong công tác điều hành sản xuất kinh doanh ở Công ty. Mặt khác, việc lưu trữ, tra cứu kiểm tra các số liệu kế toán – tài chính cũng khó khăn hơn.

3.2. Sự cần thiết của việc hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng số 3 Hải Phòng

Trong cơ chế thị trường hiện nay, cạnh tranh là điều tất yếu đối với các thành phần kinh tế. Vì vậy vấn đề sống còn đặt ra cho các nhà quản trị là làm sao để có doanh nghiệp có thể đứng vững và phát triển mạnh mẽ trong điều kiện đó. Để tồn tại và khẳng định vị trí thì doanh nghiệp phải làm ăn có hiệu quả, lợi nhuận cao. Tuy nhiên để đạt được điều đó không phải dễ dàng. Bên cạnh việc sử dụng các công cụ quản lý kinh tế thì việc hoàn thiện kế toán doanh

thu và xác định kết quả kinh doanh là một vấn đề cấp thiết với doanh nghiệp. Hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh giúp doanh nghiệp xác định chính xác kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó mang lại lợi nhuận cao nhất cho doanh nghiệp.

Để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, chế độ kế toán do Nhà nước ban hành, việc chấp nhận các quy định về mặt pháp luật không những tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp mà còn tạo điều kiện cho cơ quan pháp lý
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở thống nhất giữa kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết, giữa kế toán ở trung tâm và kế toán ở các đại lý.
- Hoàn thiện phải phù hợp với đặc điểm loại hình kinh doanh của công ty nhằm đem lại hiệu quả cao nhất cho đơn vị ngành.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tiết kiệm chi phí, giảm bớt khối lượng công việc nhưng vẫn phải đảm bảo tính khoa học, hợp lý.
- Hoàn thiện công tác cung cấp thông tin một cách kịp thời, chính xác, phục vụ những đơn vị hoặc cá nhân có liên quan trực tiếp hoặc gián tiếp tới công ty.

3.3. Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty Cổ phần xây dựng số 3 Hải Phòng.

Trong quá trình thực tập tại công ty, em thấy công tác kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty tương đối hoàn thiện. Tuy nhiên cùng với sự phát triển vững mạnh của công ty cũng như đòi hỏi ngày càng cao của thị trường, việc không ngừng hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí, doanh thu và kết quả kinh doanh là vô cùng cần thiết. Xuất phát từ tình hình thực tế của công ty kết hợp với lý luận được học tập, nghiên cứu tại trường, em xin đưa ra ý kiến sau:



Một là:

Về thủ tục nhập xuất nguyên vật liệu, dụng cụ sản xuất phục vụ hoạt động xây lắp.

Hiện nay, khi Công ty thu mua nguyên vật liệu, dụng cụ sản xuất về xuất dùng thẳng tới chân các công trình, hạng mục công trình mà không tiến hành nhập kho rồi mới xuất kho theo đúng thủ tục quy định. Vì vậy, làm cho kế toán không kiểm soát được số lượng thực tế mua vào, xuất dùng; gây khó khăn cho việc đối chiếu số liệu trên hóa đơn giá trị gia tăng với số liệu thực tế mua vào; tạo điều kiện cho việc gian lận gây thất thoát.

Theo em, Công ty nên tiến hành thành lập “Ban Kiểm Kê Vật Tư” để tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đối chiếu số liệu của kế toán.

Mẫu biểu như sau:

Biểu số 3.2:

BIÊN BẢN KIỂM KÊ VẬT TƯ

Thời điểm kiểm kê: 23/01/2010

Công trình: Gas hóa lỏng Đình Vũ – Hải Phòng

Thành viên trong ban kiểm kê:

Ông : Khoa Thanh Phương Chức vụ: Phó phòng P.VTTB - Trưởng ban

Ông : Huỳnh An Đức Chức vụ: Đội trưởng - Ủy viên

Ông : Nguyễn Sỹ Phan Chức vụ: Thủ kho - Ủy viên

Đã kiểm kê vật tư tại công trường có những vật tư dưới đây

TT	Tên vật tư	ĐVT	Đơn giá	Theo sổ sách		Theo kiểm kê		Chênh lệch	
				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
1	Thép cuộn $\phi 8$	Kg	11.909	2776	33.059.384	2776	33.059.384	-	-
2	Thép cây $\phi 18$	Kg	11.955	2231	26.671.605	2231	26.671.605	-	-
3	Thép cây $\phi 20$	Kg	12.091	8280	100.113.480	8280	100.113.480	-	-
									

Đội trưởng

Thủ kho

Trưởng ban kiểm kê

Phòng kế toán cần kiểm tra và đối chiếu tình hình sử dụng vật tư trên hoá đơn chứng từ với thực tế phát sinh, kiên quyết trả lại hoá đơn vật tư đội xây dựng thanh toán thừa tránh trường hợp đẩy chi phí nguyên vật liệu tăng lên, ảnh hưởng đến việc tính giá thành sản phẩm xây lắp.

 Hai là, tăng cường công tác nghiệm thu thanh toán

Do đặc điểm hoạt động thi công các công trình, hạng mục công trình được chia ra thành nhiều giai đoạn thực hiện và tiến hành bàn giao cho khách hàng, chủ dự án theo từng giai đoạn của công trình nên việc xác định kết quả kinh doanh tại Công ty cũng được xác định theo từng giai đoạn hoàn thành của từng công trình mà Công ty tham gia thi công. Vì thế, Công ty cần tăng cường đơn đốc thực hiện công tác nghiệm thu thanh toán quyết toán theo đúng khối lượng công trình hoàn thành dựa vào biên bản nghiệm thu và hoá đơn để từ đó đẩy mạnh công tác thu hồi vốn.

 Ba là, hoàn thiện kế toán doanh thu cung cấp dịch vụ

Do đặc điểm doanh thu cung cấp dịch vụ trong Công ty là chỉ phát sinh vào thời điểm cuối mỗi quý nên kế toán về doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được thực hiện vào cuối quý. Kế toán tiến hành nhập số liệu vào sổ Nhật ký chung và căn cứ vào biên bản nghiệm thu tiến hành lập sổ chi tiết tài khoản 511 theo từng công trình, hạng mục công trình mà Công ty hoàn thành được trong quý và từ các sổ chi tiết tài khoản 511 kế toán tiến hành tổng hợp lập sổ cái tài khoản 511 cho tất cả các công trình, hạng mục công trình thực hiện được trong quý cùng một số sổ cái các tài khoản liên quan khác. . Vì thế, Công ty nên mở thêm Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu cho tất cả các công trình thực hiện trong quý, được lập dựa trên cơ sở tập hợp các sổ chi tiết tài khoản 511 và các sổ chi tiết có liên quan khác

Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu cung cấp dịch vụ

Quý 4/2012

STT	Công trình	Giá vốn hàng bán	Doanh thu cung cấp dịch vụ	Thuế GTGT phải nộp	Lãi gộp	Chi phí chung	Lãi, lỗ
1	2	3	4	5	6	7	8
1	HH2	...	...	...			...
2	Chi Đông	...	...	...			...
	...	...	...	...			...
	Cộng						

Biểu số 2.29. Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu cung cấp dịch vụ

Bảng tổng hợp chi tiết doanh thu cho tất cả các công trình, hạng mục công trình được lập sẽ giúp cho việc thực hiện kiểm tra đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ cái và bảng tổng hợp chi tiết doanh thu, các sổ chi tiết tài khoản 5113 được chính xác hơn, giúp việc lập các báo cáo cần thiết được dễ dàng hơn



Bốn là, Vấn đề ứng dụng phần mềm kế toán ở Công ty

Hiện nay, Công ty đang áp dụng hình thức tổ chức kế toán tập trung nên chứng từ kế toán đều được tập trung tại phòng kế toán. Do đó công việc của phòng kế toán rất nhiều đặc biệt là vào cuối kỳ kế toán. Công ty mới chỉ sử dụng máy vi tính (phần mềm tin học văn phòng đơn giản Word, Excel) để

thay cho việc ghi chép thủ công nên vẫn có thể xảy ra sai sót trong việc hạch toán.

Theo em Công ty nên trang bị phần mềm kế toán để giảm thiểu công việc cho kế toán viên, đồng thời phần mềm kế toán cũng tạo hiệu quả công việc cao hơn, tránh sai sót mà lại nhanh chóng, tiện lợi.

Khi trang bị máy tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác được những tính năng ưu việt của phần mềm. Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 103/2005/TT- BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán” hoặc đi mua phần mềm của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- *Phần mềm kế toán SAS INNOVA của Công ty cổ phần SIS Việt Nam*
- *Phần mềm kế toán MISA của Công ty cổ phần MISA.*
- *Phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING của Công ty cổ phần FAST Việt Nam*

KẾT LUẬN

Thông tin kế toán đóng vai trò hết sức quan trọng trong bất kỳ một doanh nghiệp nào vì nó quyết định đến sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp. Chính vì vậy, để bộ máy kế toán có thể cung cấp các thông tin hữu ích một cách nhanh chóng, đầy đủ và chính xác thì hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh đối với các doanh nghiệp là một vấn đề cần thiết phải đặt ra và giải quyết. Hoàn thiện kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh sẽ góp phần vào việc hoàn thiện bộ máy kế toán của Công ty, giúp cho Công ty có thể tăng doanh thu, lợi nhuận và giảm thiểu chi phí, tiết kiệm được những yếu tố không cần thiết mà vẫn đảm bảo được tính chính xác, kịp thời của các báo cáo kế toán.

Công ty Cổ phần Xây dựng số 3 Hải Phòng là một Công ty hoạt động trong lĩnh vực dựng nên công tác kế toán về doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty rất được chú trọng đến, công tác kế toán tương đối hoàn chỉnh, linh động và dễ dàng vận dụng. Qua quá trình học tập và tìm hiểu thực tế kế toán doanh thu và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty, em đã đưa ra một số kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện hơn nữa phần hành kế toán này. Vì thời gian có hạn, kinh nghiệm thực tế chưa nhiều nên những kiến nghị của em không tránh khỏi những sai sót, khiếm khuyết. Em mong nhận được sự đóng góp ý kiến của các thầy cô giáo cùng các cô chú, anh chị trong phòng kế toán Công ty để bài viết của em được hoàn thiện hơn.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Hệ thống kế toán Việt Nam – Chế độ kế toán doanh nghiệp của Nhà xuất bản Tài Chính.
- Giáo trình kế toán tài chính – Trường đại học kinh tế quốc dân Hà Nội
- Hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam
- Tài liệu kế toán của Công ty Cổ Phần Xây Dựng số 3 Hải Phòng
- Các trang web: <http://www.webketoan.com>
<http://www.tapchiketoan.info>
<http://www.kiemtoan.com>
- Tạp chí kế toán kiểm toán các thông tư về chế độ kế toán.
- Một số chuyên đề của các anh chị khóa trước.